

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Phạm Hải Hà**
Giảng viên hướng dẫn: **TS. Giang Thị Xuyên**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN
XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG
TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH MINH PHƯỢNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Hải Hà
Giảng viên hướng dẫn: TS. Giang Thị Xuyên**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Hải Hà

Mã SV: 110448

Lớp: QT1104K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành

sản phẩm tại công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ)

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán

- Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương.
- Số liệu về thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

Sinh viên có tinh thần thái độ học tập và nghiên cứu nghiêm túc, cầu thị. Luôn tích cực nghiên cứu lý luận và tìm hiểu thực tiễn. Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn và tiếp thu đầy đủ ý kiến được hướng dẫn.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bản khóa luận có kết cấu hợp lý, bố cục chặt chẽ, đảm bảo nội dung khoa học theo yêu cầu của khóa luận tốt nghiệp đại học chuyên ngành kế toán- kiểm toán. Sinh viên đã hệ thống hóa được những lý luận cơ bản về đề tài nghiên cứu, biết vận dụng vào quan sát, nghiên cứu và mô tả thực tiễn công tác kế toán của đơn vị thực tập, đưa ra ví dụ minh họa với số liệu trích dẫn hợp lý, logic. Sinh viên cũng đã đưa ra những ý kiến nhận xét đánh giá thực trạng khá xác đáng và một số kiến nghị hợp lý.

Trình bày đúng theo yêu cầu hiện hành về khóa luận tốt nghiệp đại học. Kết quả khóa luận thể hiện sinh viên có tính độc lập trong nghiên cứu.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:.....

Bằng chữ:.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

TS. Giang Thị Xuyên

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

LỜI CAM ĐOAN

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU, PHỤ LỤC

Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.....3

1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM3

1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm3

1.1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất3

1.1.1.2. Khái niệm giá thành sản phẩm.....3

1.1.2. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm4

1.1.3. Yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm4

1.1.4. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....6

1.1.5. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm7

1.1.5.1. Phân loại chi phí sản xuất.....7

1.1.5.2. Phân loại giá thành sản phẩm.....9

1.1.6. Nội dung kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm 11

1.1.6.1 . Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành sản phẩm 12

1.1.6.2. Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm 13

1.1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm 14

1.1.7.1. Phương pháp trực tiếp..... 14

1.1.7.2. Phương pháp tổng cộng chi phí 15

1.1.7.3. Phương pháp hệ số..... 15

1.1.7.4. Phương pháp tỷ lệ	16
1.1.7.5. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ	16
1.1.7.6. Phương pháp tính liên hợp.....	16
1.1.7.7. Phương pháp tính giá thành một số doanh nghiệp đặc thù	16
1.1.8. <i>Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ</i>	18
1.1.8.1. <i>Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</i>	18
1.1.8.2. <i>Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương</i>	19
1.1.8.3. <i>Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức</i>	20
1.1.8.4. <i>Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến</i>	20
1.1.8.5. <i>Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính</i> ...	21
1.2. TỔ CHỨC CHỨNG TỪ KẾ TOÁN, SỔ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM	21
1.2.1. <i>Tổ chức chứng từ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm</i> .	21
1.2.2 <i>Tổ chức sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm</i>	22
1.3 KẾ TOÁN TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT, GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP	24
1.3.1. <i>Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên</i>	24
1.3.1.1. <i>Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</i>	25
1.3.1.2. <i>Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp</i>	27
1.3.1.3. <i>Chi phí sản xuất chung</i>	29
1.3.1.4. <i>Kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp</i>	32
1.3.2. <i>Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ</i>	34
Chương 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH MINH PHƯỢNG	36

2.1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH MINH PHƯỢNG.....	36
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng	36
2.1.1.1. Giới thiệu chung.....	36
2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp	36
2.1.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh	37
2.1.1.4. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	38
2.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng	41
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.....	42
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng.....	44
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng.....	44
2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng	46
2.2/ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH MINH PHƯỢNG	49
2.2.1/ Đặc điểm chi phí sản xuất của công ty	49
2.2.2/ Phân loại chi phí sản xuất	50
2.2.3/ Đối tượng tính giá thành, kỳ tính giá thành.....	50
2.2.4/ Kế toán tập hợp chi phí sản xuất	51
2.2.4.1/ Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	51

2.2.4.2/ Kế toán chi phí nhân công trực tiếp	61
2.2.4.3/ Kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung	69
2.2.4.4. Kế toán chi phí sản xuất toàn công ty.....	78
2.2.4.5. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ	78
2.2.4.6. Phương pháp tính giá thành tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng	79
2.2.4.7. Trình tự tính giá thành sản phẩm	79
2.3 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH MINH PHƯỢNG.....	83
2.3.1. <i>Những kết quả đạt được</i>	83
2.3.1.1 <i>Về công tác quản lý</i>	83
2.3.1.2. <i>Về công tác hạch toán kế toán</i>	83
2.3.1.3. <i>Về hình thức kế toán</i>	84
2.3.1.4. <i>Về tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm</i>	84
2.3.1.5. <i>Hệ thống tài khoản sử dụng</i>	85
2.3.1.6. <i>Về tổ chức hệ thống sổ sách kế toán</i>	85
2.3.2 <i>Những tồn tại hạn chế</i>	85
2.3.2.1 <i>Về chính sách, chứng từ kế toán</i>	85
2.3.2.2. <i>Về tài khoản sử dụng</i>	86
2.3.2.3. <i>Việc vận dụng hệ thống sổ sách kế toán trong doanh nghiệp</i>	86
2.3.2.4. <i>Ứng dụng tin học trong công tác kế toán</i>	87
2.3.2.5 <i>Vấn đề hạch toán nghiệp vụ thuế liệu thu hồi</i>	87
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN	

PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH MINH PHƯỢNG	88
3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH MINH PHƯỢNG.....	88
3.2. NỘI DUNG HOÀN THIỆN	90
3.2.1. <i>Về chính sách, chứng từ kế toán</i>	90
3.2.1.1. Hoàn thiện phương pháp tính giá xuất nguyên vật liệu.....	90
3.2.1.2. Hoàn thiện chi phí nhân công trực tiếp.....	91
3.2.1.3. Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ kế toán	92
3.2.2. <i>Về tài khoản sử dụng</i>	92
3.2.3. <i>Việc vận dụng hệ thống sổ sách kế toán trong doanh nghiệp</i>	92
3.2.4. <i>Một số giải pháp khác</i>	94
3.2.4.1. <i>Ứng dụng tin học trong công tác kế toán</i>	94
3.2.4.2. <i>Vấn đề hạch toán nghiệp vụ phế liệu thu hồi</i>	95
3.3. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN GIẢI PHÁP	95
3.3.1. <i>Về phía Nhà nước</i>	96
3.3.2. <i>Về phía Công ty</i>	96
3.3.3. <i>Về phía cán bộ kế toán</i>	96
3.3.4. <i>Về phía tổ chức nghề nghiệp</i>	96
KẾT LUẬN	97
TÀI LIỆU THAM KHẢO	98
PHỤ LỤC	99

LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian thực tập và thực hiện khóa luận “Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương” em đã hoàn thành khóa luận với sự giúp đỡ của các thầy cô và tập thể cán bộ nhân viên công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương. Em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến:

Các thầy cô trường Đại học Dân Lập Hải Phòng đã tận tình giúp đỡ em trong những năm học vừa qua. Đã truyền đạt những kiến thức, nền tảng cơ sở, kiến thức chuyên ngành về Kế toán – Kiểm toán và cả những kinh nghiệm quý báu, nó rất hữu ích cho bản thân em trong thời gian học tập và cả sau này làm việc thực tế.

Cô giáo – TS. Giang Thị Xuyên đã hết lòng hỗ trợ, giúp đỡ em từ cách thức tiếp cận thực tiễn tại đơn vị thực tập đến khi hoàn thành bài khóa luận.

Tập thể cán bộ công nhân viên công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương đã tạo cho em cơ hội được thực tập tại phòng kế toán của công ty, các anh chị kế toán đã nhiệt tình hướng dẫn cung cấp thông tin số liệu có liên quan đến đề tài nghiên cứu giúp em hoàn thành khóa luận đúng thời gian và nội dung quy định.

Do thời gian và trình độ còn hạn chế chắc chắn trong quá trình hoàn thành khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu và chỉ bảo của các thầy cô giáo và các bạn sinh viên.

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan đây là bài viết của riêng em. Các số liệu, kết quả nêu trong bài là trung thực và xuất phát từ tình hình thực tế của Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương.

Sinh viên

Phạm Hải Hà

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Giải thích
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
SXKD	Sản xuất kinh doanh
ĐDH	Đơn đặt hàng
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
CCDC	Công cụ dụng cụ
CPSX	Chi phí sản xuất
NVL	Nguyên vật liệu
CPNVLTT	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
CPNCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
CPSXC	Chi phí sản xuất chung
TSCĐ	Tài sản cố định
KHTSCĐ	Khấu hao tài sản cố định
LN	Lợi nhuận
CP	Chi phí
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
NSNN	Ngân sách Nhà nước
DT	Doanh thu
GV	Giá vốn
PXCT	Phiếu xuất chế tạo
CT	Chế tạo
CNTTSX	Công nhân trực tiếp sản xuất
KH	Kế hoạch
ĐM	Định mức
CNV	Công nhân viên
KC	Kết chuyển

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU, PHỤ LỤC

A. SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	23
Sơ đồ 1.2: Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	27
Sơ đồ 1.3: Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp	28
Sơ đồ 1.4: Hạch toán chi phí sản xuất chung	31
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ tổng hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm	33
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ	34
Sơ đồ 2.1: Quy trình tổ chức sản xuất của công ty	42
Sơ đồ 2.2: Bộ máy quản lý điều hành của công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phụng	42
Sơ đồ 2.3: Bộ máy kế toán TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phụng	45
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung tại công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phụng	47

B. BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Khái quát về kết quả hoạt động của công ty	38
Bảng 2.2: Một số chỉ tiêu chủ yếu phản ánh quá trình phát triển của công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phụng	40
Mẫu số 2.1: Phiếu yêu cầu xuất nguyên vật liệu	52
Mẫu số 2.2: Phiếu xuất kho	53
Mẫu số 2.3: Trích Sổ nhật ký chung	55
Mẫu số 2.4: Sổ chi tiết tài khoản 621	56
Mẫu số 2.5: Trích Sổ cái TK 621	57

Mẫu số 2.6: Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản.....	58
Mẫu số 2.7: Bảng kê phiếu xuất theo đơn đặt hàng.....	59
Mẫu số 2.8: Báo cáo tổng hợp xuất kho theo đơn đặt hàng.....	60
Mẫu số 2.9: Bảng chấm công theo đơn đặt hàng.....	64
Mẫu số 2.10: Bảng kê trích nộp BHXH+BHYT+BHTN.....	65
Mẫu số 2.11: Bảng thanh toán lương tiền ăn ca theo đơn đặt hàng.....	66
Mẫu số 2.12: Trích Sổ nhật ký chung.....	67
Mẫu số 2.13: Trích Sổ cái TK 622.....	68
Mẫu số 2.14: Bảng phân bổ chi phí nhân viên.....	70
Mẫu số 2.15: Bảng tính và phân bổ công cụ dụng cụ.....	72
Mẫu số 2.16 : Bảng tổng hợp trích và phân bổ khấu hao tài sản cố định.....	74
Mẫu số 2.17: Bảng phân bổ chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.....	75
Mẫu số 2.18: Bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung.....	76
Mẫu số 2.19: Trích Sổ nhật ký chung.....	76
Mẫu số 2.20: Trích Sổ cái TK 627.....	77
Mẫu số 2.21: Thẻ tính giá thành theo đơn đặt hàng.....	79
Mẫu số 2.22: Trích Sổ nhật ký chung.....	80
Mẫu số 2.23: Trích Sổ cái TK 154.....	81
 C. PHỤ LỤC	
Mẫu số 3.1: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.....	99
Mẫu số 3.2: Thẻ kho.....	100
Mẫu số 3.3: Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá....	101

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Ngày nay, các doanh nghiệp có nhiều cơ hội thuận lợi để hội nhập với nền kinh tế thế giới nhưng đồng thời cũng phải đương đầu với không ít những khó khăn do nền kinh tế thị trường mang lại mà khó khăn lớn nhất có lẽ là sự cạnh tranh gay gắt không những của các doanh nghiệp trong nước mà còn của cả các doanh nghiệp nước ngoài. Để tồn tại và phát triển, nhiệm vụ của các doanh nghiệp là phải không ngừng cố gắng nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, giảm giá thành sản phẩm.

Trong công tác quản lý doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là hai chỉ tiêu vô cùng quan trọng, được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm vì nó không chỉ là căn cứ lập giá mà còn là căn cứ để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau mỗi chu kỳ kinh doanh....

Chính vì vậy, tổ chức tốt công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có ý nghĩa vô cùng to lớn ; đồng thời là khâu quan trọng nhất trong toàn bộ công tác kế toán vì thực chất của hạch toán quá trình sản xuất chính là hạch toán chi phí sản xuất và giá thành.

Mặt khác, trên góc độ người sử dụng thông tin về chi phí và giá thành sẽ giúp cho nhà quản lý và lãnh đạo doanh nghiệp phân tích đánh giá tình hình sử dụng vật tư, lao động, tiền vốn có hiệu quả hay không, tình hình thực hiện kế hoạch giá thành.... từ đó, đề ra các biện pháp hữu hiệu hạ thấp chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm và ra các qui định phù hợp cho sự phát triển sản xuất kinh doanh.

Nhận thức được điều đó, trong thời gian thực tập tại công ty , sau khi tìm hiểu thực tế tổ chức công tác kế toán, đặc biệt là kế toán tập hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm em đã quyết định lựa chọn đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức kế***

toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương ” để đi sâu nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Với mục đích vận dụng lý luận về hạch toán kế toán vào nhu cầu thực tiễn công tác chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương, từ đó phân tích những điểm còn tồn tại, đóng góp một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán đơn vị.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.
- Phạm vi nghiên cứu: Chỉ nghiên cứu và hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương.

4. Phương pháp nghiên cứu

Hạch toán kế toán là khoa học kinh tế, có đối tượng nghiên cứu cụ thể mà ở đây đối tượng nghiên cứu là kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. Do vậy phương pháp nghiên cứu trong bài Khóa luận áp dụng là phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và phương pháp tìm hiểu thực tế tại Công ty.

5. Kết cấu của khóa luận

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, nội dung được thể hiện ở 3 chương như sau :

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương.

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương.

Chương 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ
SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT****1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ
THÀNH SẢN PHẨM*****1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm*****1.1.1.3. Khái niệm chi phí sản xuất**

Doanh nghiệp sản xuất là doanh nghiệp trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp sản xuất cần phải có các yếu tố đầu vào cơ bản đó là:

- + Tư liệu lao động: nhà xưởng, máy móc, thiết bị và những tài sản cố định khác.
- + Đối tượng lao động: Nguyên vật liệu, nhiên liệu
- + Sức lao động: Sức lao động của con người
- + Các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài và chi bằng tiền khác

Để có được các yếu tố đầu vào nói trên doanh nghiệp phải bỏ ra một khoản chi phí nhất định và người ta quan niệm đó là chi phí sản xuất.

Vậy chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền toàn bộ các hao phí về lao động sống, lao động vật hóa và các khoản chi cần thiết khác mà doanh nghiệp đã chi ra để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định.

1.1.1.4. Khái niệm giá thành sản phẩm

Đã là doanh nghiệp khi tiến hành sản xuất kinh doanh thì bao giờ cũng muốn tối đa hóa lợi nhuận. Và về căn bản, lâu dài thì các doanh nghiệp vẫn tiến hành tạo ra sản phẩm đảm bảo yêu cầu, phù hợp với người tiêu dùng nhưng giá thành lại ở mức thấp nhất. Đây vẫn được coi là cách thức có tính nghệ thuật cao vì rằng giá thành hạ so với sản phẩm cùng loại trên thị trường doanh nghiệp sẽ

linh hoạt hơn trong việc định giá cho sản phẩm đồng thời có cơ hội tiếp cận gần hơn với người tiêu dùng. Kết quả là doanh số tăng và thị phần cũng mở rộng. Qua đó doanh nghiệp mới tạo được nền tảng vững chắc cho sự phát triển của mình.

Vậy giá thành sản xuất là gì?

Giá thành sản xuất sản phẩm là biểu hiện bằng tiền toàn bộ hao phí lao động sống, lao động vật hóa mà doanh nghiệp chi ra trong kỳ để hoàn thành việc sản xuất một loại sản phẩm nhất định.

Giá thành sản phẩm được tính toán theo từng loại sản phẩm, dịch vụ cụ thể hoàn thành (theo từng đối tượng tính giá thành)

1.1.2. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là hai chỉ tiêu kinh tế có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Về mặt bản chất chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là biểu hiện hai mặt của quá trình sản xuất kinh doanh. Chi phí sản xuất phản ánh mặt hao phí sản xuất còn giá thành sản phẩm phản ánh mặt kết quả sản phẩm. Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền toàn bộ các khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra bất kể ở thời kỳ nào nhưng chưa có liên quan đến khối lượng công việc, sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm đều bao gồm các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong suốt quá trình sản xuất.

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là hai khái niệm khác nhau nhưng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Chi phí sản xuất là tiền đề để tính giá thành sản phẩm, ngược lại giá thành sản phẩm là mục tiêu để tập hợp chi phí sản xuất. Rõ ràng chúng có mối quan hệ qua lại với nhau, là tiền đề, động lực cho nhau cùng phát triển.

1.1.3. Yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Mọi doanh nghiệp đều quan tâm đó là hiệu quả sản xuất kinh doanh, nghĩa là chi phí bỏ ra ít nhất và phải thu được lợi nhuận cao nhất. Chi phí sản

xuất và giá thành sản phẩm là hai chỉ tiêu quan trọng trong hệ thống các chỉ tiêu kinh tế phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp và có mối quan hệ mật thiết với doanh thu, kết quả (lỗ, lãi) hoạt động sản xuất kinh doanh, do vậy được chủ doanh nghiệp rất quan tâm. Trong môi trường kinh tế cạnh tranh toàn cầu như hiện nay đòi hỏi các doanh nghiệp phải quan tâm đến việc tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tối đa hoá lợi nhuận. Vì vậy, tổ chức kế toán chi phí, tính giá thành sản phẩm một cách khoa học, hợp lý và đúng đắn có ý nghĩa rất lớn trong công tác quản lý chi phí, giá thành sản phẩm.

Mặt khác giá thành sản phẩm còn là cơ sở để tính giá bán sản phẩm, còn là cơ sở để đánh giá hạch toán kinh tế nội bộ, phân tích chi phí, đồng thời còn là căn cứ để xác định kết quả kinh doanh kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm với nội dung chủ yếu thuộc về kế toán quản trị, cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp. Song nó lại là khâu trung tâm của toàn bộ công tác kế toán ở doanh nghiệp, chi phối đến chất lượng của các phần hành kế toán khác cũng như chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp.

Điều quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp là phải hạch toán chi phí sản xuất một cách chính xác, tính đúng và tính đủ giá thành. Kế toán chính xác chi phí sản xuất không chỉ là việc tổ chức ghi chép, phản ánh một cách đầy đủ, trung thực về mặt lượng chi phí mà cả việc tính toán các chi phí bằng tiền theo đúng nguyên tắc và phản ánh từng loại chi phí theo từng địa điểm phát sinh, thời điểm xảy ra, xác định đối tượng chịu chi phí để biết được chi phí lãng phí ở khâu nào, từ đó có biện pháp khắc phục.

Mặt khác, muốn tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phải dựa trên cơ sở của việc tính chính xác chi phí để sản xuất ra sản phẩm. Tính đủ giá thành là tính toán đầy đủ mọi hao phí bỏ ra theo đúng chế độ quy định. Tính đủ cũng đòi hỏi phải loại bỏ chi phí không liên quan đến giá thành sản phẩm như các khoản chi mang tính chất tiêu cực. Việc tính đúng, tính đủ giá

thành sản phẩm của doanh nghiệp, giúp cho việc phản ánh tình hình và kết quả thực hiện giá thành của doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả tài chính, tình trạng lãi giả, lỗ thật. Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng và thiết thực với việc tăng cường, cải tiến công tác quản lý giá thành nói riêng và quản lý tài sản doanh nghiệp nói chung

1.1.4. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Trong quản trị doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng luôn được các nhà quản lý doanh nghiệp quan tâm. Vì thế chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Do vậy, kế toán doanh nghiệp cần phải xác định rõ vai trò và nhiệm vụ của mình trong việc tổ chức kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm như sau:

- Trước hết cần nhận thức đúng đắn vị trí vai trò của kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm trong toàn bộ hệ thống kế toán doanh nghiệp, mối quan hệ với các bộ phận kế toán khác có liên quan, trong đó kế toán các yếu tố chi phí là tiền đề cho kế toán chi phí và tính giá thành.

- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất, loại hình sản xuất đặc điểm sản xuất của sản phẩm, khả năng hạch toán, yêu cầu quản lý cụ thể của doanh nghiệp để lựa chọn, xác định đúng đắn đối tượng kế toán chi phí sản xuất, lựa chọn phương án phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.

- Căn cứ đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, đặc điểm của sản phẩm, khả năng và yêu cầu quản lý cụ thể của doanh nghiệp để xác định đối tượng tính giá thành cho phù hợp.

- Tổ chức bộ máy kế toán một cách khoa học, hợp lý trên cơ sở phân công rõ ràng trách nhiệm của từng nhân viên, từng bộ phận kế toán có liên quan đặc biệt bộ phận kế toán các yếu tố chi phí.

- Thực hiện tổ chức chứng từ, hạch toán ban đầu, hệ thống tài khoản, sổ kế toán phù hợp với các nguyên tắc chuẩn mực, chế độ kế toán đảm bảo đáp ứng được yêu cầu thu nhận - xử lý - hệ thống hoá thông tin về chi phí, giá thành của doanh nghiệp.

- Tổ chức lập và phân tích các báo cáo kế toán về chi phí, giá thành sản phẩm, cung cấp những thông tin cần thiết về chi phí, giá thành sản phẩm, giúp các nhà quản trị doanh nghiệp ra được các quyết định một cách nhanh chóng, phù hợp với quá trình sản xuất – tiêu thụ sản phẩm.

1.1.5. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

1.1.5.1. Phân loại chi phí sản xuất

Tùy theo điều kiện từng doanh nghiệp mà có các cách phân loại khác nhau. Các doanh nghiệp phải lựa chọn cho mình những cách phân loại chi phí sản xuất thích hợp để đảm bảo rằng tất cả các chi phí đều được tập hợp trong giá thành và nhanh gọn đối với doanh nghiệp mình. Có các cách phân loại chi phí sản xuất theo những tiêu thức sau:

1.1.5.1.1. Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích và công dụng kinh tế

Theo cách phân loại này, căn cứ vào mục đích và công dụng kinh tế của chi phí để sắp xếp những chi phí có cùng một mục đích và công dụng vào cùng một khoản mục chi phí. Không xem xét nội dung kinh tế ban đầu của chi phí. Toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ được chia thành các khoản mục chi phí sau:

- ***Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp***: Gồm toàn bộ giá trị nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm mà doanh nghiệp bỏ ra (vật liệu chính, vật liệu phụ, ...)

- ***Chi phí nhân công trực tiếp***: Là toàn bộ tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất để hoàn thành sản phẩm. và các khoản trích theo lương được tính vào chi phí sản xuất trong kỳ theo quy định.

- **Chi phí sản xuất chung:** Là chi phí dùng vào việc quản lý và phục vụ sản xuất chung cho toàn bộ phận sản xuất của doanh nghiệp. Loại chi phí này gồm: Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng tổ đội sản xuất; chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ quản lý và sản xuất của bộ phận sản xuất; chi phí khấu hao tài sản cố định sử dụng cho sản xuất; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền.

Phân loại chi phí sản xuất theo tiêu thức này có tác dụng phục vụ yêu cầu quản lý chi phí theo định mức, là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo khoản mục, là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và định mức chi phí cho kỳ sau.

1.1.5.1.2 Phân loại chi phí theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí

Căn cứ vào nội dung kinh tế ban đầu để sắp xếp những chi phí có cùng một nội dung kinh tế ban đầu vào cùng một yếu tố chi phí. Không xem xét đến công dụng, địa điểm phát sinh chi phí.

Theo cách phân loại này có các yếu tố chi phí sau:

- **Yếu tố chi phí nguyên vật liệu:** Bao gồm các loại nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế mà doanh nghiệp đã sử dụng cho các hoạt động sản xuất trong kỳ.

- **Yếu tố chi phí nhân công:** Bao gồm toàn bộ tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương của người lao động theo quy định trong kỳ.

- **Yếu tố chi phí khấu hao tài sản cố định:** Là toàn bộ số tiền trích khấu hao tài sản cố định dùng cho sản xuất của Doanh nghiệp.

- **Yếu tố chi phí dịch vụ mua ngoài:** Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp đã chi trả cho các dịch vụ mua từ bên ngoài như: tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại, tiền thuê máy móc,..phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Yếu tố chi phí khác bằng tiền:** Bao gồm toàn bộ chi phí bằng tiền khác ngoài các yếu tố chi phí đã kể trên mà doanh nghiệp đã chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Cách phân loại này giúp doanh nghiệp có thể xác định được kết cấu, tỷ trọng từng loại chi phí, nó là cơ sở để lập phần “ Báo cáo Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố” và phân tích tình hình thực hiện dự toán chi phí.

1.1.5.1.3. Một số cách phân loại khác

- *Theo hoạt động và công dụng kinh tế:*

+ Chi phí hoạt động chính và phụ

+ Chi phí khác

- *Theo yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất:*

+ Chi phí ban đầu

+ Chi phí luân chuyển nội bộ

- *Theo mối quan hệ của chi phí với các khoản mục trên báo cáo tài chính:*

+ Chi phí sản phẩm

+ Chi phí thời kỳ

- *Theo khả năng quy nạp chi phí vào các đối tượng kế toán chi phí*

+ Chi phí trực tiếp

+ Chi phí gián tiếp

- *Theo mối quan hệ với quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm và quá trình kinh doanh*

+ Chi phí cơ bản

+ Chi phí chung

- *Theo mối quan hệ với mức độ hoạt động*

+ Chi phí khả biến

+ Chi phí bất biến

+ Chi phí hỗn hợp

- *Các nhận diện khác về chi phí*

+ Chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được

+ Các loại chi phí khác sử dụng trong việc lựa chọn các phương án

1.1.5.2. Phân loại giá thành sản phẩm

Với mục đích quản lý tốt giá thành cũng như yêu cầu xây dựng giá cả hàng hoá, kế toán cần phải phân biệt các loại giá thành khác nhau. Giá thành được xem xét dưới nhiều góc độ, phạm vi tính toán khác nhau, về lý luận cũng như thực tiễn có các cách phân loại chủ yếu sau:

1.1.5.2.1. Phân loại giá thành theo cơ sở số liệu và thời điểm tính giá thành

Theo cách phân loại này có các loại giá thành sau:

+ ***Giá thành sản phẩm kế hoạch:*** Là giá thành sản phẩm được tính toán trên cơ sở chi phí kế hoạch và số lượng sản phẩm sản xuất kế hoạch. Giá thành kế hoạch bao giờ cũng được tính toán trước khi bắt đầu quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ. Giá thành sản phẩm kế hoạch là mục tiêu phấn đấu trong kỳ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nó cũng là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp.

+ ***Giá thành sản phẩm định mức:*** Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành và chỉ tính cho một đơn vị sản phẩm. Định mức chi phí được xác định trên cơ sở các định mức kinh tế - kỹ thuật của từng doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

+ ***Giá thành sản phẩm thực tế:*** Là giá thành sản phẩm được tính toán và xác định trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế phát sinh và tập hợp được trong kỳ cũng như số lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất và tiêu thụ trong kỳ. Giá thành thực tế chỉ có thể tính toán được khi kết thúc quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm và được tính toán cho cả chỉ tiêu tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Đây là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả phấn đấu của doanh nghiệp trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh.

Cách phân loại này có tác dụng trong việc quản lý và giám sát chi phí, xác định được nguyên nhân vượt (hụt) định mức chi phí trong kỳ hạch toán. Từ đó điều chỉnh kế hoạch hoặc định mức chi phí cho phù hợp.

1.1.5.2.2. Phân loại giá thành căn cứ vào phạm vi chi phí cấu thành

Theo cách phân loại này giá thành sản phẩm được phân biệt thành hai loại: Giá thành sản xuất sản phẩm, giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ.

+ ***Giá thành sản xuất sản phẩm:*** Là loại giá thành bao gồm các chi phí liên quan đến quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm như: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm đã hoàn thành. Giá thành sản xuất sản phẩm được sử dụng để hạch toán thành phẩm, giá vốn hàng xuất bán và mức lãi gộp trong kỳ của doanh nghiệp.

+ ***Giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ:*** Bao gồm giá thành sản xuất tính cho số sản phẩm tiêu thụ cộng với chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ tính cho số sản phẩm này. Như vậy giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ chỉ tính và xác định cho số sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất và đã tiêu thụ, nó là căn cứ để tính toán xác định mức lợi nhuận thuần trước thuế của doanh nghiệp.

Ngoài những cách phân loại giá thành sản phẩm được sử dụng chủ yếu trong kế toán tài chính trên đây, trong công tác quản trị, doanh nghiệp còn thực hiện phân loại giá thành sản phẩm theo phạm vi tính toán chi phí chi tiết hơn.

1.1.6. Nội dung kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

❖ Nguyên tắc hạch toán chi phí sản xuất

Trong quá trình sản xuất, các chi phí phát sinh liên quan đến đối tượng nào thì hạch toán trực tiếp cho đối tượng đó, trường hợp không thể tổ chức hạch toán riêng biệt thì phải áp dụng phương pháp phân bổ gián tiếp cho các đối tượng có liên quan theo tiêu thức phù hợp.

Các nguyên tắc hạch toán chi phí sản xuất là:

- Chi phí được ghi nhận khi doanh nghiệp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bất kể chi bằng hình thức gì.

- Phải tổ chức hạch toán chi tiết cho từng đối tượng sử dụng chi phí.

- Chi phí sản xuất được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi các khoản chi này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai hay có liên quan đến việc làm giảm bớt tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy.

- Chi phí sản xuất được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh phải tuân thủ theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

1.1.6.1 . Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành sản phẩm

❖ *Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất*

- Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là các chi phí được tập hợp trong một phạm vi, giới hạn nhất định, giới hạn đó là sản phẩm, chi tiết, bộ phận, nhóm sản phẩm, đơn đặt hàng, giai đoạn công nghệ, toàn bộ qui trình công nghệ.

- Việc xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất thực chất là xác định nơi phát sinh ra chi phí sản xuất phục vụ cho yêu cầu kiểm tra và tính giá thành sản phẩm xác định đúng đắn kết quả hạch toán kinh tế nội bộ.

- Căn cứ để xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

+ Loại hình sản xuất: sản xuất đơn chiếc hay sản xuất hàng loạt...

+ Tính chất, qui trình của công nghệ sản xuất sản phẩm bằng sản phẩm giản đơn hay phức tạp, quy trình chế biến liên tục hay chế biến song song.

+ Đặc điểm tổ chức sản xuất.

+ Yêu cầu và trình độ quản lý doanh nghiệp.

❖ *Đối tượng tính giá thành*

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, lao vụ do doanh nghiệp sản xuất đã hoàn thành cần phải được tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Xác định đối tượng tính giá thành là xác định đối tượng mà hao phí vật chất được doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất được kết tinh trong đó nhằm định lượng hao phí cần được bù đắp cũng như tính toán được kết quả kinh doanh.

Trong các doanh nghiệp sản xuất tùy thuộc vào đặc điểm cụ thể của doanh nghiệp mà đối tượng tính giá thành có thể là:

- + Từng sản phẩm, từng công việc, từng đơn đặt hàng đã hoàn thành
- + Từng chi tiết, bộ phận sản xuất
- + Từng công trình, hạng mục công trình

Thông thường trong thực tế người ta hay chọn đối tượng tính giá thành phù hợp với quá trình công nghệ sản xuất của doanh nghiệp như:

- Đối với doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất giản đơn: Đối tượng tính giá thành là loại sản phẩm hoàn thành ở cuối quy trình công nghệ.

- Đối với quy trình phức tạp theo kiểu liên tục: Đối tượng tính giá thành có thể là bán thành phẩm ở từng giai đoạn chế tạo hay thành phẩm chế tạo ở giai đoạn cuối cùng.

- Đối với sản phẩm công nghệ phức tạp kiểu song song: Đối tượng tính giá thành là chi tiết, bộ phận sản phẩm hoàn thành và thành phẩm cuối cùng đã hoàn thành.

- Xác định đối tượng tính giá thành đúng đắn, phù hợp với điều kiện đặc điểm của doanh nghiệp (đặc điểm tổ chức sản xuất, loại hình tổ chức sản xuất, yêu cầu trình độ quản lý) sẽ giúp cho kế toán mở sổ kế toán, lập các bảng tính theo hoạt động cần quản lý, kiểm tra và đáp ứng như cầu quản lý nội bộ doanh nghiệp, lựa chọn phương pháp tính giá thành phù hợp.

❖ *Kỳ tính giá thành*

Kỳ tính giá thành là thời kỳ bộ phận kế toán giá thành cần phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành.

Kỳ tính giá thành có thể là tháng, quý, năm hoặc dài hơn tùy thuộc vào chu kỳ sản xuất.

1.1.6.2. Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành có mối quan hệ mật thiết với nhau, giống nhau về mặt bản chất - đều là phạm vi và giới

hạn mà chi phí sản xuất phát sinh đã được tập hợp và tính toán. Tuy nhiên giữa chúng có sự khác nhau cụ thể là:

+ Đối tượng tập hợp chi phí có thể là nơi phát sinh chi phí hoặc nơi chịu chi phí còn đối tượng tính giá thành là nơi chịu chi phí.

+ Khi quá trình sản xuất sản phẩm là dạng đơn thì đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành là một. Trong kỳ sản xuất, nếu không có chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ thì toàn bộ chi phí sản xuất tập hợp được trong kỳ chính là giá thành của sản phẩm.

+ Khi công trình công nghệ sản xuất ra nhiều loại sản phẩm hoặc sản xuất ra một loại sản phẩm nhưng lại có quy cách và phẩm chất khác nhau thì đối tượng kế toán chi phí sản xuất bao gồm nhiều đối tượng tính giá thành.

+ Khi quy trình công nghệ sản xuất ra một loại sản phẩm nhưng phải trải qua nhiều công đoạn chế tạo gia công liên tục thì một đối tượng tính giá thành lại bao gồm nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ở mỗi công đoạn chế tạo.

1.1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là một phương pháp hoặc một hệ thống phương pháp được sử dụng để tính giá thành đơn vị sản phẩm. Nó mang tính thuần túy kỹ thuật tính toán chi phí cho từng đối tượng tính giá thành. Việc lựa chọn phương pháp tính giá thành chủ yếu phụ thuộc vào đặc điểm về đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm. Một số phương pháp tính giá thành thường được sử dụng là:

1.1.7.1. Phương pháp trực tiếp

Phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất khối lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn như: các nhà máy điện nước, các doanh nghiệp khai thác (quặng, than, gỗ...). Giá thành sản phẩm theo phương pháp này được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{SP hoàn thành} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị SP dở} \\ \text{dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí SX} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

$$\text{Giá thành đơn vị SP} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

1.1.7.2. Phương pháp tổng cộng chi phí

Áp dụng với các doanh nghiệp mà quá trình sản xuất được thực hiện ở nhiều bộ phận sản xuất, nhiều giai đoạn công nghệ, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là các bộ phận chi tiết sản phẩm hoặc giai đoạn công nghệ hay bộ phận sản xuất. Giá thành sản xuất được xác định bằng cách cộng chi phí sản xuất của các bộ phận, chi tiết sản phẩm hay tổng chi phí sản xuất của các giai đoạn, bộ phận sản xuất tạo nên thành phẩm:

$$\text{Giá thành sản phẩm} = Z1 + Z2 + \dots + Zn$$

Phương pháp tổng cộng chi phí được áp dụng phổ biến trong các doanh nghiệp khai thác, dệt nhuộm, cơ khí, chế tạo ...

1.1.7.3. Phương pháp hệ số

Phương pháp này áp dụng trong các doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất cùng sử dụng một thứ nguyên liệu và một lượng lao động nhưng thu được đồng thời nhiều sản phẩm khác nhau và chi phí không tập hợp riêng cho từng loại sản phẩm được mà phải tập hợp chung cho cả quá trình sản xuất. Theo phương pháp này, trước hết, kế toán căn cứ vào hệ số qui đổi để qui đổi các loại sản phẩm về sản phẩm gốc (căn cứ vào đặc điểm kinh tế hoặc tính chất của sản phẩm để qui định loại sản phẩm có đặc trưng tiêu biểu hệ số 1) rồi từ đó dựa vào tổng chi phí liên quan đến giá thành các loại sản phẩm đã tập hợp để tính giá thành sản phẩm gốc và giá thành từng loại sản phẩm.

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm chuẩn} = \frac{\text{Tổng giá thành của tất cả các loại sản phẩm}}{\text{Tổng số lượng các loại sản phẩm đã quy về sản phẩm chuẩn}}$$

$$Q_0 = \sum_{i=1}^n Q_i \times H_i$$

- Trong đó:
- Q_0 : tổng số sản phẩm gốc đã qui đổi
 - Q_i : Số lượng sản phẩm loại i ($i = 1, n$).
 - H_i : Hệ số qui đổi của sản phẩm loại i ($i = 1, n$).

$$\begin{aligned} \text{Giá thành đơn vị sản phẩm loại } i &= \text{Giá thành đơn vị sản phẩm chuẩn} \times \text{Hệ số qui đổi sản phẩm loại } i \\ \text{Tổng giá thành đơn vị sản phẩm loại } i &= \text{Giá thành đơn vị sản phẩm loại } i \times \text{Số lượng sản phẩm loại } i \end{aligned}$$

1.1.7.4. Phương pháp tỷ lệ

Trong các doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm có quy cách phẩm chất khác như may mặc, dệt kim, đóng giày, cơ khí chế tạo v.v... để giảm bớt khối lượng hạch toán, kế toán tiến hành tập hợp chi phí sản xuất theo nhóm sản phẩm cùng loại. Căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí thực tế với chi phí sản xuất kế hoạch (hoặc định mức), kế toán sẽ tính ra giá thành đơn vị và tổng giá thành từng loại

$$\begin{aligned} \text{Giá thành thực tế từng loại SP} &= \text{Giá thành kế hoạch (hoặc định mức) đơn vị sản phẩm từng loại} \times \text{Tỷ lệ chi phí} \\ \text{Tỷ lệ chi phí} &= \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của các loại sản phẩm}}{\text{Tổng giá thành KH (hayĐM) của các loại SP}} \times 100 \end{aligned}$$

1.1.7.5. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ

Đối với các doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình, bên cạnh những sản phẩm chính thu được những sản phẩm phụ (các doanh nghiệp chế biến đường, rượu, bia,...), để tính giá trị sản phẩm chính kế phải loại trừ giá trị sản phẩm phụ ra khỏi tổng chi phí sản xuất sản phẩm. Giá trị sản phẩm phụ có thể

xác định được theo nhiều phương pháp như giá ước tính, giá kế hoạch, giá nguyên liệu ban đầu...

Tổng giá thành SP chính	=	Giá trị SP chính dang kỳ	+	Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	-	giá trị SP phụ thu hồi ước tính	-	Giá trị SP chính dang cuối kỳ
-------------------------	---	--------------------------	---	--	---	---------------------------------	---	-------------------------------

1.1.7.6. Phương pháp tính liên hợp

Áp dụng trong các doanh nghiệp có tổ chức sản xuất, tính chất quy trình công nghệ và tính chất sản phẩm làm ra đòi hỏi việc tính giá thành phải kết hợp nhiều phương pháp khác nhau như các doanh nghiệp hoá chất, dệt kim, đóng giày... Trên thực tế kế toán có thể kết hợp tổng cộng chi phí với phương pháp tỷ lệ, hệ số với loại trừ giá trị sản phẩm phụ...

1.1.7.7. Phương pháp tính giá thành một số doanh nghiệp đặc thù

- Đối với doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng

- + Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đơn hàng.
- + Đối tượng tính giá thành là sản phẩm của từng đơn hàng.
- + Việc tính giá thành chỉ được thực hiện khi đơn hàng đã hoàn thành.
- + Nếu đến kỳ lập báo cáo kế toán mà đơn hàng vẫn chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí đã tập hợp được gọi là giá trị sản phẩm dở dang.

- Đối với doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp kiểu chế biến liên tục

- + Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng giai đoạn công nghệ.
- + Đối tượng tính giá thành có thể là sản phẩm của từng giai đoạn hoặc sản phẩm cuối cùng.
- + Nếu tính giá thành sản phẩm cho từng giai đoạn gọi là giá thành bán thành phẩm (bán thành phẩm có thể được bán ra ngoài hoặc đưa vào giai đoạn sau để tiếp tục làm ra thành phẩm). Kế toán sẽ tính giá thành theo phương án phân bước có tính giá bán thành phẩm (gọi là kết chuyển tuần tự chi phí).

+ Nếu tính giá thành phẩm cho giai đoạn cuối cùng gọi là giá thành thành phẩm. Kế toán sẽ tính giá thành phẩm theo phương án phân bước không tính giá thành bán thành phẩm (gọi là kết chuyển song song chi phí).

➤ **Tóm lại:** Có nhiều cách để tính giá thành sản phẩm, mỗi phương pháp có mặt mạnh, yếu khác nhau vì vậy tùy điều kiện của từng doanh nghiệp mà áp dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm một cách khéo léo, phù hợp để mang lại lợi ích tối đa. Có như vậy thì doanh nghiệp mới có thể tồn tại và đứng vững trong nền kinh tế thị trường.

1.1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Đánh giá sản phẩm làm dở có ý nghĩa rất lớn trong việc hạch toán và quản lý chi phí. Nhưng việc đánh giá sản phẩm làm dở mang nặng tính chủ quan, khó có thể tính toán một cách chính xác được. Mức độ hợp lý của đánh giá sản phẩm làm dở tùy thuộc vào các nhân tố sau:

- + Kiểm kê và đánh giá mức độ hoàn thành của sản phẩm làm dở
- + Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở phù hợp

1.1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Theo phương pháp này kế toán chỉ tính cho sản phẩm dở dang cuối kỳ phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Còn các chi phí khác tính cả cho sản phẩm hoàn thành. Công thức tính:

$$D_{ck} = \frac{D_{dk} + C_{NVLTT}}{Q_{ht} + Q_d} \times Q_d$$

Trong đó: D_{dk} : Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ

D_{ck} : Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ

C_{NVLTT} : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh trong kỳ

Q_{ht} : Khối lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ

Q_d : Khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ

- Ưu điểm: Đơn giản, dễ tính toán, xác định chi phí dở dang cuối kỳ được kịp thời, phục vụ cho việc tính giá thành nhanh chóng.

- Nhược điểm: Kết quả đánh giá sản phẩm dở dang có độ chính xác không cao vì trong sản phẩm làm dở chỉ tính toán một khoản mục.

- Điều kiện áp dụng: Phương pháp này thích hợp áp dụng cho những doanh nghiệp:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bỏ vào một lần ngay từ đầu quy trình công nghệ

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí (thường lớn hơn 70%)

+ Sản phẩm dở dang cuối kỳ và đầu kỳ ít, không biến động nhiều giữa cuối kỳ và đầu kỳ.

1.1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương

Căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ và mức độ hoàn thành để quy đổi khối lượng sản phẩm dở dang thành khối lượng hoàn thành tương đương. Sau đó lần lượt tính toán từng khoản mục chi phí trong sản phẩm dở dang theo nguyên tắc. Theo phương pháp này kế toán giả định:

+ Đối với những chi phí sản xuất bỏ vào một lần ngay từ đầu quy trình công nghệ như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hay chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp thì tính cho sản phẩm dở dang theo công thức:

$$D_{ck} = \frac{D_{dk} + C_{NVLTT}}{Q_{ht} + Q_d} \times Q_{ht}$$

+ Đối với chi phí sản xuất bỏ dần trong quy trình sản xuất gọi là chi phí chế biến và chỉ được phân bổ cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành thực tế thường là (chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung). Với giả định như trên kế toán xác định từng khoản mục chi phí sản xuất nằm trong sản phẩm dở dang như sau:

$$KM_{dd} = \frac{KM_{dk} + KM_{tt}}{Q_{ht} + Q_{ddqd}} \times Q_{ddqd}$$

Trong đó:

+ Q_{ddqd} : Khối lượng sản phẩm dở dang đã được tính đổi ra khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương theo tỷ lệ chế biến hoàn thành (h%)

+ KM_{dd} : Khoản mục chi phí sản xuất nằm trong sản phẩm dở dang.

+ KM_{dk} : Khoản mục chi phí sản xuất nằm trong sản phẩm dở dang đầu kỳ.

+ KM_{tt} : Khoản mục chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong kỳ.

$$Q_{ddqd} = Q_d \times h\%$$

Do đó: $D_{ck} = \sum KM_{dd}$

- Ưu điểm: Phương pháp này cho kết quả có độ chính xác cao và khoa học hơn phương pháp trước vì trong trị giá sản phẩm làm dở có đầy đủ các khoản mục.

- Nhược điểm: Khối lượng tính toán nhiều hơn và đặc biệt xác định mức độ chế biến hoàn thành rất phức tạp.

- Điều kiện áp dụng: Áp dụng phù hợp với các doanh nghiệp có khối lượng sản phẩm dở lớn, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ nhiều và biến động lớn so với đầu kỳ.

1.1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức

Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ = $Q_d \times h\% \times$ Chi phí sản xuất định mức

- Ưu điểm: Tính toán đơn giản, thuận tiện hơn nếu doanh nghiệp đã lập được bảng tính sẵn.

- Nhược điểm: Độ chính xác không cao vì chi phí thực tế phát sinh không đúng với chi phí định mức.

- Điều kiện áp dụng: Phương pháp này phù hợp với doanh nghiệp có hệ thống kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo định mức.

1.1.8.4. Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến

Để đơn giản việc tính toán, đối với những sản phẩm mà chi phí chế biến chiếm tỷ lệ không thấp trong tổng chi phí, kế toán thường sử dụng phương pháp này. Thực chất là một dạng của phương pháp ước tính theo sản lượng tương

đương, trong đó giai đoạn sản phẩm dở dang đã hoàn thành ở mức độ 50% so với thành phẩm.

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sản phẩm} \\ \text{dở dang chưa hoàn} \\ \text{thành} &= \frac{\text{Giá trị NVL chính nằm} \\ &\text{trong sản phẩm dở dang}}{\text{50\% chi phí}} + \text{chế biến} \end{aligned}$$

1.1.8.5. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính

Theo phương pháp này, toàn bộ chi phí biến được tính hết cho thành phẩm. Do vậy trong sản phẩm dở dang chỉ bao gồm giá trị nguyên vật liệu chính mà thôi.

$$D_{ck} = \frac{D_{dk} + C_{NVLC}}{Q_{ht} + Q_d} \times Q_{ht}$$

Trong đó : C_{NVLC} : Chi phí nguyên vật liệu chính thực tế phát sinh trong kỳ.

Phương pháp này có ưu điểm là cách tính toán rất đơn giản. Khối lượng công việc tính toán ít nhưng với phương pháp này có độ chính xác không cao vì phương pháp này chỉ tính theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

1.2. TỔ CHỨC CHỨNG TỪ KẾ TOÁN, SỔ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

1.2.1. Tổ chức chứng từ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Tổ chức chứng từ kế toán là việc xác định danh mục chứng từ cần sử dụng, trình tự luân chuyển chứng từ phù hợp với từng loại nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp.

Các chứng từ cụ thể trong kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- Chứng từ kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
- + Hoá đơn giá trị gia tăng
- + Phiếu xuất kho hoặc phiếu yêu cầu vật tư
- + Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu

- Chứng từ kế toán chi phí nhân công trực tiếp.

- + Bảng chấm công
- + Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành
- + Bảng thanh toán tiền lương
- + Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (trực tiếp)

- Chứng từ kế toán chi phí sản xuất chung.

- + Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu (gián tiếp)
- + Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (gián tiếp)
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- + Phiếu xuất kho
- + Hoá đơn giá trị gia tăng
- + Giấy báo nợ
- + Phiếu chi

- Chứng từ kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- + Phiếu kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- + Phiếu kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp
- + Phiếu kết chuyển chi phí sản xuất chung
- + Phiếu tính giá thành sản phẩm
- + Phiếu xác nhận công việc hoặc sản phẩm hoàn thành...

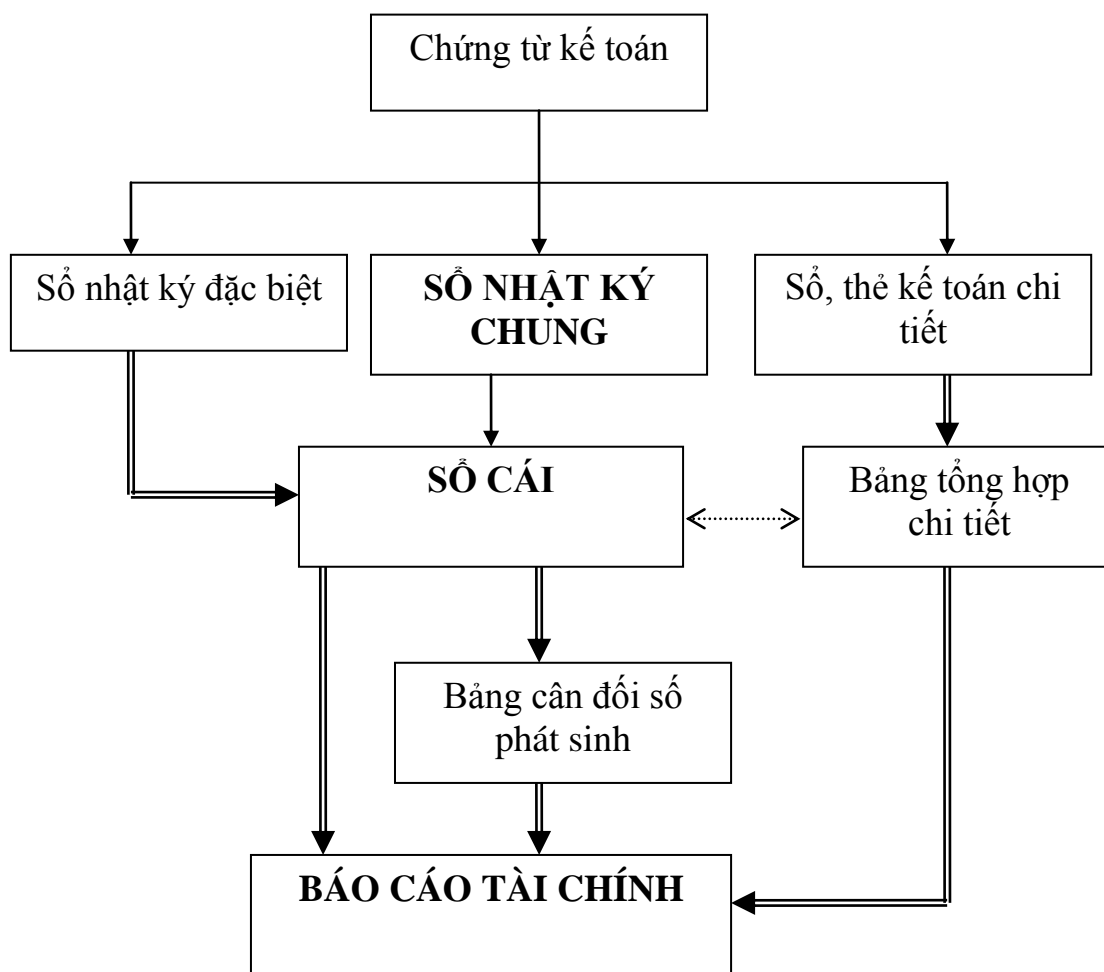
1.2.2 Tổ chức sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành quyết định số 15/QĐ/BTC ngày 20/03/2006.

Các doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán máy

Sơ đồ 1.1 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- Đối chiếu, kiểm tra

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

• **Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ

1.3 TỔ CHỨC KẾ TOÁN TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT, GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP

1.3.1. Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn vật tư, hàng hóa đều được phản ánh trên tài khoản kế toán hàng tồn kho. Phương pháp này có ưu

điểm là giám sát chặt chẽ tình hình tăng, giảm tài sản, giá trị của chúng trên sổ kế toán tại bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Song do khối lượng công việc hạch toán nhiều và phức tạp nên phương pháp kê khai thường xuyên thường được áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn (máy móc, thiết bị, hàng kỹ thuật cao...)

* Phương pháp kế toán:

Theo chế độ kế toán hiện hành, các doanh nghiệp tiến hành kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, toàn bộ chi phí được tập hợp vào TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm. Tài khoản này được hạch toán chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất hoặc đối tượng tính giá thành.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng TK 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp, TK 627 – Chi phí sản xuất chung để tập hợp chi phí theo từng khoản mục trước khi kết chuyển sang TK 154. Các tài khoản này không có số dư cuối kỳ và phải mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tùy thuộc vào yêu cầu quản lý chi phí của doanh nghiệp.

1.3.1.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Nội dung chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất chế tạo ra sản phẩm hoặc thực hiện các lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp.

Trong trường hợp doanh nghiệp mua nửa thành phẩm để lắp ráp, gia công tiếp thành phẩm thì cũng được hạch toán vào chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong lý được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{nguyên vật liệu} \\ \text{trực tiếp trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{NVL tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá NVL} \\ \text{xuất dùng} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{NVL tồn} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{phế liệu} \\ \text{thu hồi} \end{array}$$

- Phương pháp tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh thường tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí.

Tuy nhiên nếu có phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí mà không tập hợp trực tiếp được thì kế toán phải tiến hành phân bổ theo các tiêu thức phân bổ hợp lý.

Tiêu thức phân bổ có thể sử dụng là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp theo định mức tiêu hao, theo hệ số, theo số lượng sản phẩm...

Công thức phân bổ như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí vật liệu phân} \\ \text{bổ cho từng đối tượng} \\ \text{(hoặc sản phẩm)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng tiêu thức phân} \\ \text{bổ của từng đối tượng} \\ \text{(hoặc sản phẩm)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số (tỷ lệ)} \\ \text{phân bổ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Hệ số (tỷ lệ)} \\ \text{phân bổ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng chi phí vật liệu cần} \\ \text{phân bổ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng tiêu thức phân bổ cho} \\ \text{tất cả các đối tượng} \end{array}} \times 100\%$$

- *Chứng từ kế toán sử dụng:* Phiếu nhập kho, thẻ kho, hóa đơn giá trị gia tăng, sổ chi tiết nguyên vật liệu, bảng tổng hợp nhập xuất tồn, bảng phân bổ nguyên vật liệu...

- Kết cấu TK 621 như sau:

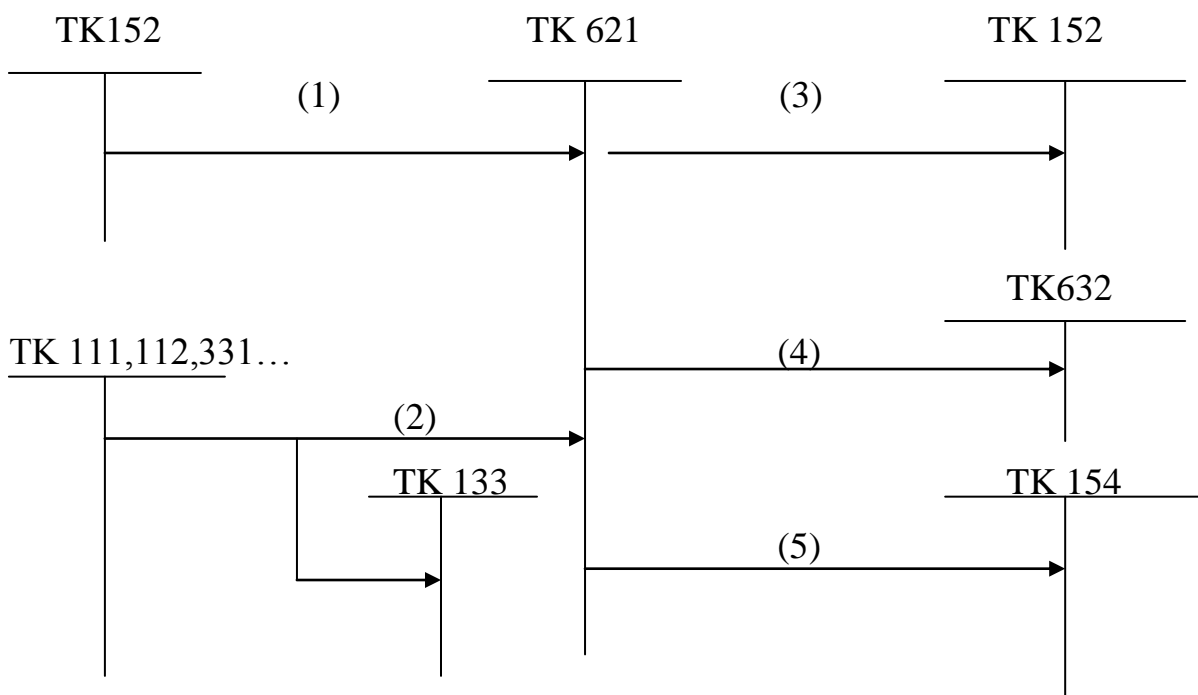
Bên nợ: Giá trị nguyên vật liệu xuất dùng trực tiếp cho chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ.

Bên có: - Giá trị vật liệu xuất dùng không hết.

- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.2: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được hạch toán theo sơ đồ sau:



- (1) Xuất kho nguyên vật liệu để chế tạo sản phẩm.
- (2) Vật liệu mua ngoài xuất thẳng cho chế tạo sản phẩm.
- (3) Vật liệu dùng để chế tạo sản phẩm còn thừa được nhập lại kho trước khi kết chuyển chi phí.
- (4) Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vượt trên mức bình thường không được kết chuyển vào chi phí giá thành, được tính vào chi phí kinh doanh.
- (5) Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh được kết chuyển sang chi phí giá thành.

1.3.1.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

- Nội dung chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm lương và các khoản phụ cấp mang tính chất lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm (phụ cấp khu vực, độc hại, phụ cấp làm thêm giờ...) và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) của công nhân trực tiếp sản xuất.

Chi phí nhân công trực tiếp gồm tất cả các khoản trên liên quan đến sản xuất trong kỳ không phân biệt đã thanh toán cho người lao động hay chưa.

- Phương pháp tập hợp

Chi phí nhân công trực tiếp phát sinh liên quan đến đối tượng chịu chi phí nào thì tập hợp trực tiếp cho đối tượng đó. Tuy nhiên, nếu chi phí nhân công trực tiếp phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí thì kế toán sử dụng phương pháp phân bổ gián tiếp theo tiêu thức phân bổ hợp lý. Những tiêu thức phân bổ có thể là: tiền công định mức, giờ công định mức, giờ công sản xuất thực tế...

- Chứng từ kế toán sử dụng: Bảng chấm công, bảng phân bổ tiền lương...

- Phương pháp kế toán: Đề tập hợp và phân bổ chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK 622.

Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

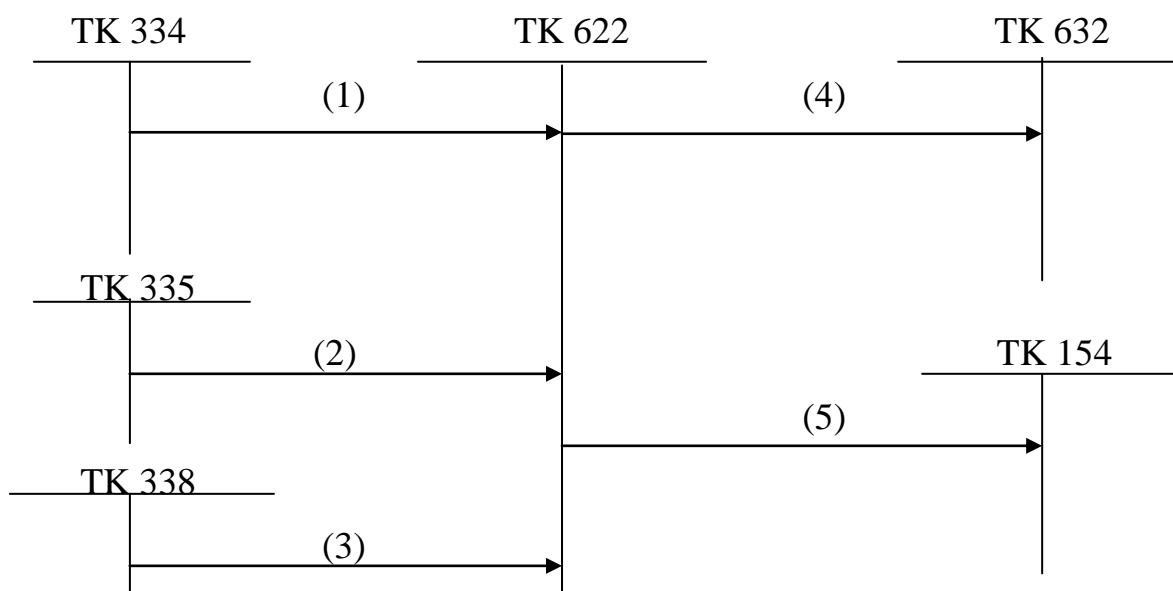
- Kết cấu TK622 như sau:

Bên nợ: Chi phí nhân công trực tiếp phát sinh.

Bên có: Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.3: Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp được thể hiện qua sơ đồ sau



(1) Tính ra lương, phụ cấp phải trả công nhân trực tiếp sản xuất.

(2) Trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất.

- (3) Trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN.
- (4) Chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường không được kết chuyển vào chi phí giá thành, được tính vào chi phí kinh doanh.
- (5) Chi phí nhân công trực tiếp thực tế phát sinh được kết chuyển sang chi phí giá thành.

1.3.1.3. Chi phí sản xuất chung

- Nội dung chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là chi phí liên quan đến phục vụ, quản lý sản xuất trong phạm vi các phân xưởng bộ phận, tổ đội sản xuất (như chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý phân xưởng, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho phân xưởng, chi phí điện nước...)

- Chi phí sản xuất chung gồm chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi

+ Chi phí sản xuất chung biến đổi được kết chuyển hết vào chi phí giá thành

+ Chi phí sản xuất chung cố định chỉ được phân bổ vào chi phí giá thành theo công suất bình thường của máy móc, thiết bị.

(Trường hợp sản phẩm thực tế sản xuất ra > số lượng sản phẩm thực tế theo công suất bình thường thì chi phí sản xuất chung cố định được kết chuyển hết sang chi phí giá thành.

Trường hợp ngược lại thì chi phí sản xuất chung cố định được kết chuyển hết sang chi phí giá thành theo công thức sau:

$$\text{Chi phí sản xuất chung cố định phân bổ vào chi phí giá thành} = \frac{\text{Chi phí sản xuất chung cố định phát sinh}}{\text{Số lượng sản phẩm theo công suất bình thường}} \times \text{Sản lượng thực tế sản xuất ra}$$

Phần còn lại sẽ được kết chuyển sang giá vốn hàng bán)

- Phương pháp tập hợp

Chi phí sản xuất chung được tập hợp theo từng địa điểm phát sinh chi phí. Một doanh nghiệp có nhiều phân xưởng sản xuất phải mở sổ chi tiết tập hợp chi phí sản xuất chung cho từng phân xưởng. Chi phí sản xuất chung của phân xưởng nào được kết chuyển vào sản phẩm, công việc của phân xưởng đó.

Tuy nhiên nếu phân xưởng có nhiều loại sản phẩm thì phải tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho các sản phẩm, công việc có liên quan theo một tiêu thức phân bổ hợp lý.

Tiêu thức phân bổ có thể là theo chi phí nhân công trực tiếp, cho phí nguyên vật liệu trực tiếp, định mức chi phí sản xuất chung.

$$\begin{array}{l} \text{Mức chi phí sản} \\ \text{xuất chung phân bổ} \\ \text{cho từng đối tượng} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng chi phí sản xuất chung} \\ \text{cần phân bổ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng tiêu thức phân bổ của} \\ \text{tất cả các đối tượng} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng tiêu thức} \\ \text{phân bổ của} \\ \text{từng đối tượng} \end{array}$$

- *Chứng từ kế toán sử dụng:* Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương, Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, các chứng từ gốc liên quan đến chi phí mua ngoài sử dụng cho sản xuất chung.

- *Phương pháp kế toán:* Kế toán sử dụng TK 627 – Chi phí sản xuất chung để theo dõi các khoản chi phí sản xuất chung.

Tài khoản này được mở chi tiết cho từng đối tượng.

- Kết cấu của TK 627 như sau:

Bên nợ: Chi phí chung trực tiếp phát sinh trong kỳ.

Bên có: - Các khoản giảm chi phí sản xuất chung.

- Kết chuyển (hay phân bổ) chi phí sản xuất chung vào chi phí sản phẩm hay lao vụ dịch vụ.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

- (5) Xuất kho vật liệu phục vụ để quản lý phân xưởng.
- (6) Trích khấu hao tài sản cố định thuộc bộ phận sản xuất.
- (7) Trích trước chi phí quản lý phân xưởng như chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định trong kế hoạch, tiền lương nghỉ phép của nhân viên quản lý phân xưởng...
- (8) Chi phí dịch vụ mua ngoài liên quan đến bộ phận sản xuất.
- (9) Chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi được phân bổ vào chi phí giá thành.
- (10) Chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ vào chi phí giá thành do sản lượng thực tế < sản lượng theo công suất bình thường (kết chuyển sang TK 632).

1.3.1.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp

Trong doanh nghiệp sản xuất chi phí sản xuất bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho cả hoạt động chính và phụ.
- Chi phí nhân công trực tiếp cho cả hoạt động chính và phụ.
- Chi phí sản xuất chung của cả hoạt động chính và phụ.

Toàn bộ các chi phí này sau khi đã tập hợp vào các tài khoản tương ứng sẽ được kết chuyển sang tài khoản 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Tài khoản 154 được dùng để tập hợp chi phí của cả hoạt động chính và phụ.

Trong trường hợp doanh nghiệp có nhiều phân xưởng bộ phận sản xuất phụ, cung cấp sản phẩm, lao vụ, dịch vụ lẫn nhau thì phải tính toán phân bổ giá trị lao vụ sản xuất kinh doanh phụ cung cấp lẫn nhau trong nội bộ sản xuất phụ, sau đó tính giá thành thực tế sản xuất phụ để phân bổ cho các đối tượng khác.

Kết cấu tài khoản 154

Bên nợ:

- Kết chuyển các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ
- Giá trị vật liệu thuê ngoài chế biến và các chi phí thuê ngoài chế biến.

- Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ (doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ).

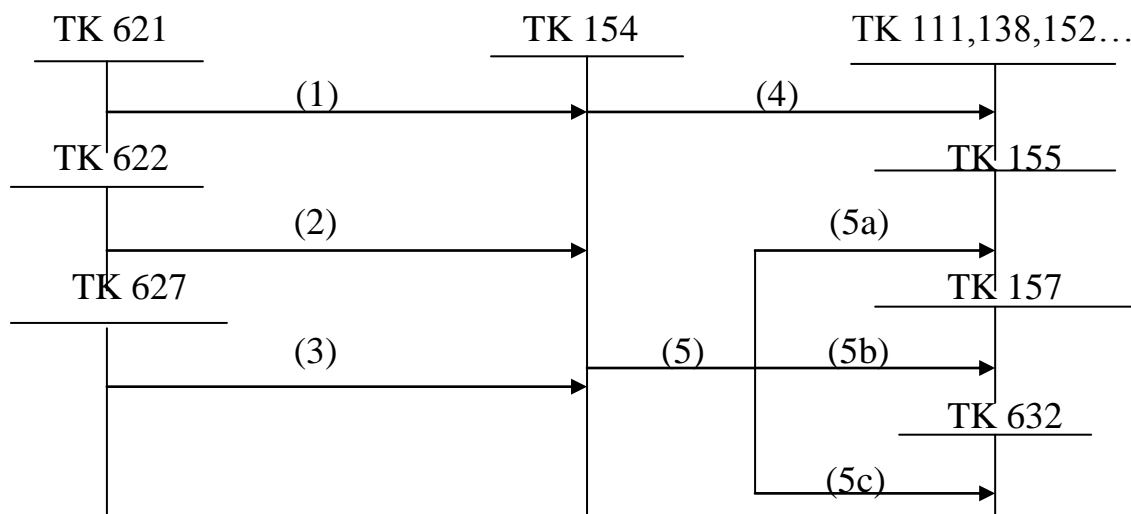
Bên có:

- Giá trị vật liệu thu hồi, sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được.
- Giá thành thực tế sản phẩm (công việc, lao vụ) hoàn thành trong kỳ.
- Giá thành thực tế vật liệu thuê ngoài gia công chế biến hoàn thành.
- Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ (doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ).

- Số dư nợ:**
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
 - Chi phí thuê ngoài gia công chế biến chưa hoàn thành

Tài khoản này được hạch toán chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ tổng hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm



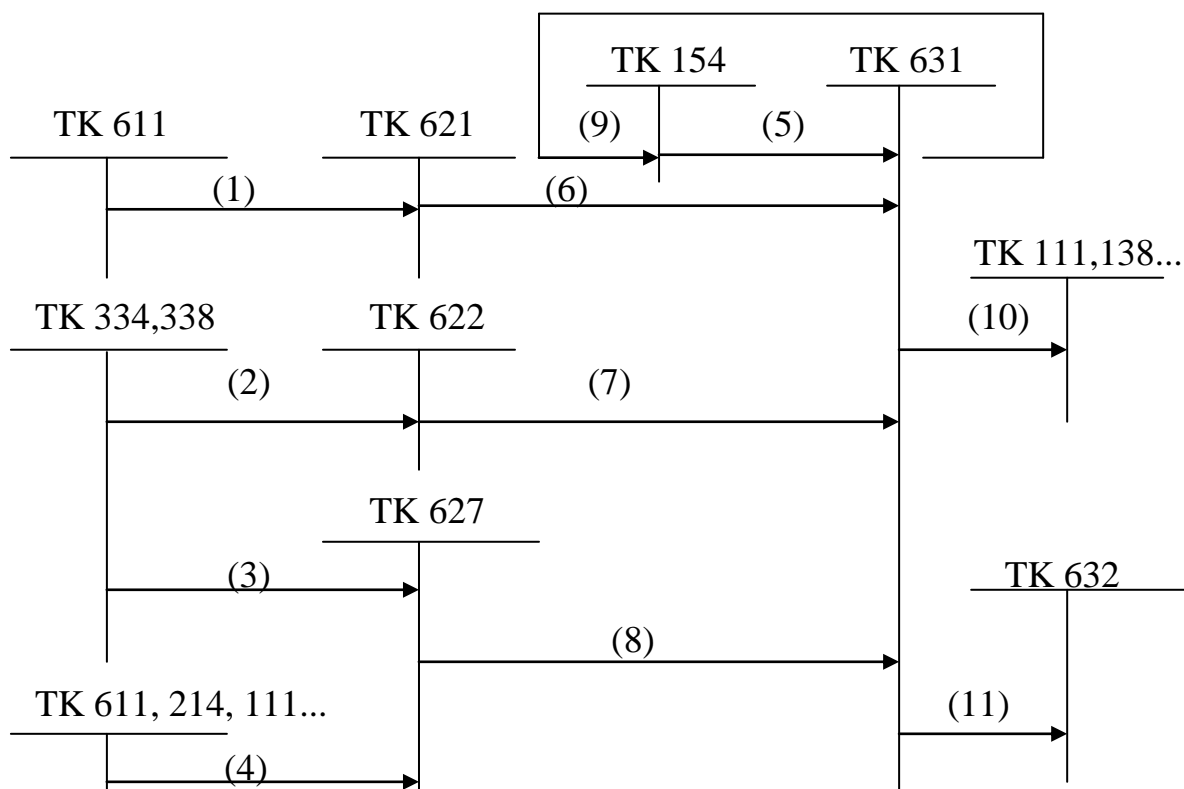
- (1) Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh sang TK 154.
- (2) Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp thực tế phát sinh sang TK 154.
- (3) Kết chuyển chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh sang TK 154.
- (4) Giá trị thu hồi ghi dạng chi phí sản xuất sau khi đã kết chuyển chi phí.
- (5) Tổng giá thành sản phẩm trong kỳ.
- (5a) Nhập kho thành phẩm.
- (5b) Chuyển đi gửi bán.
- (5c) Chuyển đi bán thẳng.

1.3.2. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Được áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất có quy mô vừa và nhỏ, chỉ tiến hành một loại hoạt động, các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hàng tồn kho không được ghi sổ liên tục. Bởi vậy, mà doanh nghiệp phải kiểm kê lại tất cả các loại nguyên vật liệu, thành phẩm trong kho tại các phân xưởng sản xuất cùng với bộ phận đánh giá sản phẩm dở dang để xác định chi phí của sản phẩm hoàn thành. Cũng tương tự phương pháp kê khai thường xuyên, chi phí sản xuất trong kỳ được tập hợp trên các tài khoản: TK 621, TK 622, TK 627.

Do đặc điểm của kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, tài khoản 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chỉ sử dụng để phản ánh chi phí dở dang đầu kỳ và cuối kỳ, việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm hoàn thành được thực hiện trên tài khoản 631- Giá thành sản xuất.

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ



- (1) Xác định giá trị vật liệu dùng cho chế tạo sản phẩm.
- (2) Lương và phải trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất.
- (3) Lương và phải trích theo lương của nhân viên quản lý phân xưởng.
- (4) Tập hợp các chi phí khác ở phân xưởng sản xuất.
- (5) Kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ sang TK 631.
- (6) Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để tính giá thành.
- (7) Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp để tính giá thành.
- (8) Kết chuyển chi phí sản xuất chung để tính giá thành.
- (9) Căn cứ vào kết quả kiểm kê, kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ sau đó kết chuyển về 154.
- (10) Các khoản thu hồi ghi giảm chi phí sản xuất sau khi đã kết chuyển 621, 622, 627.
- (11) Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ được nhập kho, gửi bán hoặc bán thẳng.

Toàn bộ những vấn đề đã trình bày trên đây chỉ là lý luận chung theo chế độ quy định. Trong thực tế, do đặc điểm riêng của mỗi ngành sản xuất, mỗi doanh nghiệp mà có những nét đặc trưng riêng nên việc vận dụng lý luận vào thực tiễn cũng có những nét khác biệt nhất định. Mỗi doanh nghiệp cần xem xét đến điều kiện cụ thể của mình mà lựa chọn các hình thức, phương pháp kế toán phù hợp đảm bảo cho tài sản, tiền vốn được phản ánh một cách trung thực nhất trên cơ sở đó đảm bảo cho kế toán phát huy được vai trò của mình trong sản xuất kinh doanh.

Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương cũng như bất kỳ một đơn vị sản xuất nào cũng đều phải chấp hành đầy đủ chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước.

Để thấy được thực tế tình hình tổ chức vận dụng các nội dung của chế độ đó như thế nào, chúng ta cần phải xem xét cụ thể công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương.

Chương 2**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH MINH PHƯƠNG****2.1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH MINH PHƯƠNG****2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương****2.1.1.1. Giới thiệu chung**

- ☞ Tên giao dịch Tiếng Việt: **Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương**
- ☞ Mã số thuế : 0200459834
- ☞ Tên giao dịch Tiếng Anh: **MINH PHUONG TRADING AND PRODUCING CO., LTD**
- ☞ Trụ sở : Số 68 Kiến Thiết, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
- ☞ Xưởng sản xuất: Cách Thượng- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng
- ☞ Tel : **(031) 3970599-3589108**
- ☞ Fax : (031) 3589108
- ☞ Email : **info@minhphuongsteel.com.vn**
- ☞ Website : **www.minhphuongsteel.com.vn**

2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp

Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương là đơn vị được thành lập theo Quyết định số 1262/2002 ngày 2 tháng 04 năm 2002 của Bộ Thương Mại.

- Vốn điều lệ đăng ký ban đầu 16 tỷ.
- Và được Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy đăng ký kinh doanh số 0202000713 ngày 29/04/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 18/07/2009.

- Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương được thành lập bởi Ông Đặng Quang Suốt cùng các con gái của mình.
- Hoạt động kinh doanh chủ yếu là:
 - + Chế tạo và lắp đặt các thiết bị phi tiêu chuẩn cho các nhà máy, chế tạo lắp đặt các hệ thống cầu trục, các kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí.
 - + Kinh doanh các loại thép phục vụ công nghiệp.
- Công ty có đội ngũ kỹ sư có trình độ cao và có nhiều năm kinh nghiệm thi công lắp đặt các công trình lớn cùng với đội ngũ công nhân lành nghề đã và đang tạo lên những sản phẩm có chất lượng tốt đảm bảo hài lòng cho khách hàng. Qua đó, tạo uy tín cho công ty trong những năm qua.
- Với phương châm luôn tạo ra các giá trị thỏa mãn tối đa nhu cầu khách hàng về chất lượng, tiến độ, giá cả... kết hợp với chiến lược đầu tư hợp lý, Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương đã phát triển bền vững trong những năm qua.
- Từ số vốn đầu tư 1,5 tỷ ban đầu với hơn 40 công nhân, đến nay vốn chủ sở hữu của công ty là 16 tỷ với hơn 150 công nhân luôn được đảm bảo có việc làm ổn định và được tham gia đóng bảo hiểm xã hội.
- Thị trường chính của Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương là thị trường quốc gia.

2.1.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh

- *Hình thức sở hữu vốn*: TNHH.
- *Lĩnh vực kinh doanh*: kinh doanh thương mại, sản xuất.
- *Ngành nghề kinh doanh*:
 - + Gia công, lắp đặt điện, nước và trang trí nội thất.
 - + Gia công, lắp dựng kết cấu thép, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và san lấp mặt bằng.
 - + Kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị và dụng cụ thi công. Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách thủy, bộ

2.1.1.4. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Địa bàn hoạt động của công ty tương đối rộng bao gồm toàn lãnh thổ Việt Nam và trong tương lai là xuất khẩu ra nước ngoài. Do đó, đòi hỏi các cán bộ quản lý của công ty phải có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm làm việc nhằm đem lại hiệu quả hoạt động cao nhất cho công ty.

Bảng 2.1: Khái quát về kết quả hoạt động của công ty

Đơn vị: 1.000.000.000 đồng

<i>STT</i>	<i>Tên hợp đồng</i>	<i>Tổng giá trị thực hiện</i>	<i>Đơn vị chủ đầu tư</i>
1	Chế tạo, lắp dựng phi tiêu chuẩn một phần nhà máy xi măng Chinfon Hải Phòng	3.500	Tập đoàn Chinfon-Đài Loan
2	Chế tạo, lắp dựng phi tiêu chuẩn một phần nhà máy xi măng Nghi Sơn, Thanh Hóa	2.500	Công ty xi măng Nghi Sơn
3	Chế tạo, lắp dựng phi tiêu chuẩn nhà máy xi măng Lam Thạch GD1 và GD2	25.000	Công ty CP xi măng và xây dựng Quảng Ninh
4	Chế tạo, lắp dựng phi tiêu chuẩn và khung nhà Nhà máy phôi thép Đình Vũ GD1 và GD2	2.500	Công ty xi măng Nghi Sơn
5	Chế tạo, lắp dựng phi tiêu chuẩn nhà máy xi măng Lam Thạch GD1 và GD2	20.000	Công ty CP Thép Đình Vũ, Hải Phòng

6	Chế tạo, lắp dựng phi tiêu chuẩn và khung nhà Nhà máy thức ăn gia súc Dr. Nupak Hưng Yên	3.300	Công ty cổ phần chế biến thức ăn gia súc Hưng Yên
7	Chế tạo, lắp dựng phi tiêu chuẩn và khung nhà Nhà máy thức ăn gia Hoàng Sơn	2.100	Công ty cổ phần Hoàng Sơn, Hưng Yên
8	Chế tạo, lắp dựng phi tiêu chuẩn và khung nhà Công ty giấy da Phú Hải, Hải Phòng.	2.700	Công ty giấy da Phú Hải, Hải Phòng.
9	Chế tạo Càng thủy điện A Vương	2.700	Công ty cơ khí Duyên Hải, Hải Phòng
10	Chế tạo phao neo tàu biển và phao báo hiệu	2.800	Công ty nạo vét Đường thủy 1
11	Chế tạo lô thép cuộn cáp điện đường kính từ 1.950mm	15.000	Công ty liên doanh cáp điện LS- VINA
12	Chế tạo giá búa đóng cọc 45m	3.000	Công ty cổ phần Đầu tư công trình thủy
13	Chế tạo, lắp khung nhà cho Công ty TNHH Thành Đạt, Quảng Ninh	1.000	Công ty TNHH Thành Đạt, Quảng Ninh
14	Chế tạo, lắp dựng phi tiêu chuẩn và hệ thống cầu trục Nhà máy luyện phôi thép	4.000	Công ty cổ phần Tân Phú Xuân, Hải Dương

BẢNG 2.2: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHẢN ẢNH QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH MINH PHƯỢNG

Đơn vị tính: đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
DT thuần	70.643.719.476	46.219.591.241	62.659.883.759
GV hàng bán	68.557.385.468	44.117.638.218	60.417.089.456
LN gộp	2.086.334.008	2.101.953.023	2.242.794.303
LN thuần	213.948.851	221.043.886	272.442.732
Tổng LN kế toán trước thuế	213.948.851	221.043.886	272.442.732
CP thuế TNDN hiện hành	59.905.678	55.260.972	68.110.683
LN sau thuế TNDN	154.043.173	165.782.914	204.332.049
TN bình quân 1 lao động/ tháng	1.689.567	1.995.785	2.331.668
Thuế và các khoản phải nộp NSNN	113.519.796	151.536.736	183.676.142

Nhìn qua một số các chỉ tiêu chủ yếu của công ty trong 3 năm 2008, 2009, 2010 ta thấy được sự cố gắng của công ty là rất cao. Cụ thể:

- Năm 2009, kinh tế nước ta phát triển trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn hơn các năm trước, thị trường giá cả thế giới biến động phức tạp. Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đã tác động trực tiếp đến nhiều ngành kinh tế nước ta, Công ty TNHH SXKD Minh Phượng cũng nằm trong số đó. Tuy nhiên, những kết quả mà công ty đạt được là rất đáng ghi nhận.

- Doanh thu thuần năm 2009 giảm so với năm 2008 là 24.424.128.235 đồng (tương đương với 34,57%). Tuy nhiên, đến năm 2010 doanh thu thuần

tăng 16.440.292.518 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 36% so với năm 2009 nhưng vẫn thấp hơn các năm trước. Điều này chứng tỏ được năng suất lao động của công ty tăng lên rõ rệt. Chiều hướng đi lên của công ty là tương đối cao.

- Nộp ngân sách năm 2009 tăng 38.016.940 đồng tương đương với 33,49% so với năm 2008. Nộp ngân sách nhà nước năm 2010 tăng 32.139.406 đồng tương đương với 21,21% so với năm 2009.

- Thu nhập bình quân năm 2009 tăng 306.218 đồng/người tương đương với 18,12% so với năm 2008 và Thu nhập bình quân năm 2010 tăng 335.883 đồng tương đương với 16,83 % so với năm 2009.

- LN sau thuế năm 2009 tăng 11.739.741 đồng tương đương với 7,62% so với năm 2008 và LN sau thuế năm 2010 tăng 38.549.135 đồng tương đương với 23,25% so với năm 2009.

Từ kết quả trên ta thấy lợi nhuận của công ty đạt được là chưa cao, tuy nhiên công ty có thể duy trì mức lợi nhuận như vậy hoặc cao hơn nữa.

Điều này có thể chứng tỏ được sự cố gắng của công ty trong tổ chức hoạt động tài chính.

Cùng với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế hiện nay sẽ là tiền đề cho sự đi lên của công ty trong hoạt động kinh doanh đem lại lợi nhuận cao, tạo dựng được thương hiệu và ngày càng phát triển ổn định.

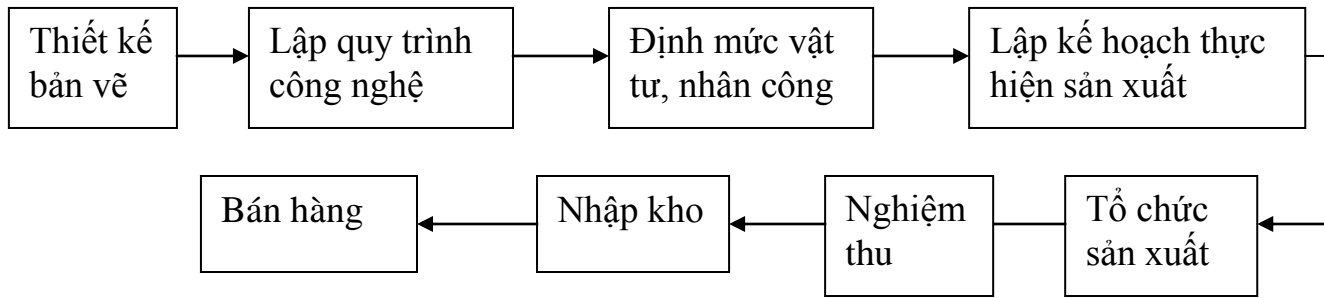
2.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng

Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng là công ty chuyên chế tạo và lắp đặt các thiết bị phi tiêu chuẩn cho các nhà máy, chế tạo lắp đặt các hệ thống cầu trục, các kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí.

Kỹ thuật sản xuất các loại mặt hàng có mức độ phức tạp khác nhau, nó phụ thuộc vào số lượng chi tiết của mặt hàng đó và thời gian hoàn thành.

Do vậy, quy trình công nghệ của công ty là quy trình sản xuất phức tạp kiểu liên tục có thể được mô tả như sau:

Sơ đồ 2.1: Quy trình tổ chức sản xuất của công ty

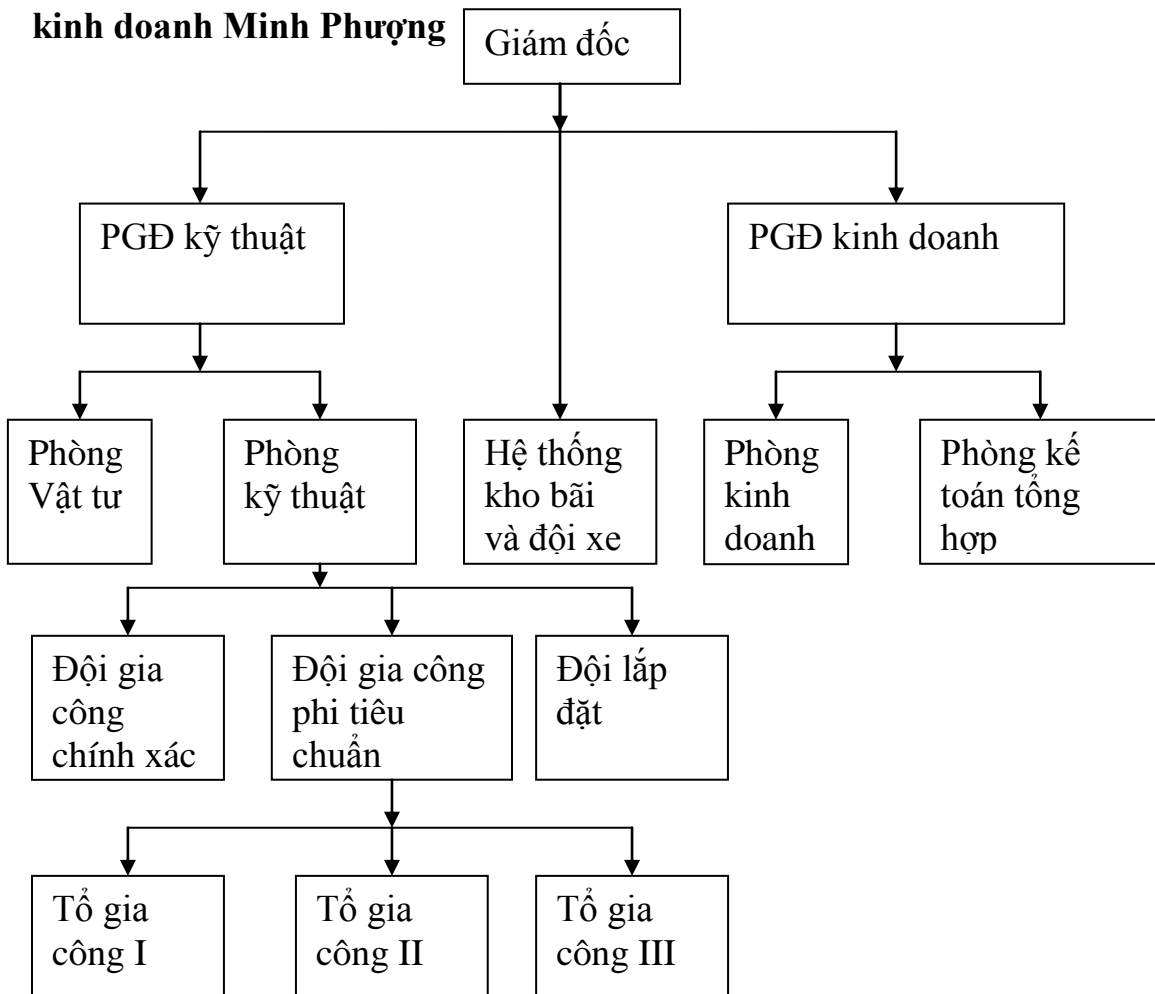


2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

Công ty TNHH SXKD Minh Phượng là doanh nghiệp tư nhân. Việc tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ mang tính tất yếu.

Bên cạnh đó, việc xây dựng bộ máy quản lý phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh luôn được Giám đốc quan tâm.

Sơ đồ 2.2: Bộ máy quản lý điều hành của công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng



*** Chức năng của từng bộ phận:**

- **Giám đốc:** là người có quyền quyết định cao nhất, là người đại diện về mặt pháp lý của công ty. Giám đốc có quyền quyết định việc tiến hành hoạt động của Doanh nghiệp theo đúng chế độ, chính sách của Nhà nước. Giám đốc có quyền quyết định, tổ chức bộ máy quản lý của Doanh nghiệp sao cho phù hợp và bảo đảm hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

- **Phó giám đốc kỹ thuật:** Phó giám đốc là người giúp việc đắc lực cho Giám đốc, thực hiện các nhiệm vụ do Giám đốc phân công hoặc uỷ quyền.

Cụ thể giúp Giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực kỹ thuật của công ty. Tham mưu cho Giám đốc trong việc kỹ thuật sản xuất của công ty.

- **Phó giám đốc kinh doanh:** Phó giám đốc là người giúp việc đắc lực cho Giám Đốc, thực hiện các nhiệm vụ do Giám đốc phân công hoặc uỷ quyền. Cụ thể giúp Giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, quản lý của công ty. Tham mưu cho Giám đốc trong các phương án cũng như hoạt động kinh doanh bán hàng, quản lý kinh tế cho công ty một cách chặt chẽ, có khoa học.

- **Phòng vật tư:** Là người giúp việc cho Giám đốc, có chức năng quản lý cũng như cung cấp toàn bộ lượng vật tư của doanh nghiệp theo kế hoạch của phòng sản xuất kinh doanh.

- **Phòng kỹ thuật:** Là người giúp việc cho Giám đốc, có trách nhiệm nghiên cứu về mặt kỹ thuật, chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm trước ban Giám đốc cũng như chất lượng sản phẩm.

- **Phòng kinh doanh:** Là người giúp việc cho Giám đốc, có trách nhiệm khai thác các thông tin mua vào bán ra của hàng hóa, có trách nhiệm cùng với phòng kế toán theo dõi hàng hóa bán ra, mua vào, công nợ và cung cấp về kế hoạch cung tiêu hàng hóa cho công ty.

- **Phòng kế toán tổng hợp:** Là người giúp việc cho Giám đốc, có trách nhiệm quản lý chặt chẽ về hoạt động kinh tế của công ty, theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong công ty, đồng thời giúp Giám đốc trong việc lên các phương án chuẩn bị về mặt đầu tư nguồn vốn, tài sản cố định, kế hoạch mua vào bán ra các loại vật tư, nguyên nhiên liệu, hàng hóa...cho công ty.

- **Đội gia công chính xác:** Có nhiệm vụ đục, rèn, dập, tán, uốn, các chi tiết cấu thành nên sản phẩm.

- **Đội gia công phi tiêu chuẩn:** Có nhiệm vụ là chuyên gia công, cắt gọt các chi tiết kim loại phục vụ cho công trình như sản xuất các bulông, êcu...

- **Đội lắp đặt:** Có nhiệm vụ là chuyên gia công và lắp ráp các thiết bị cơ khí và các kết cấu kim loại của công trình theo đồ án thiết kế được duyệt theo yêu cầu của khách hàng. Quá trình gia công lắp ráp này thường tạo nên thực thể (phần chính) của sản phẩm.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phụng

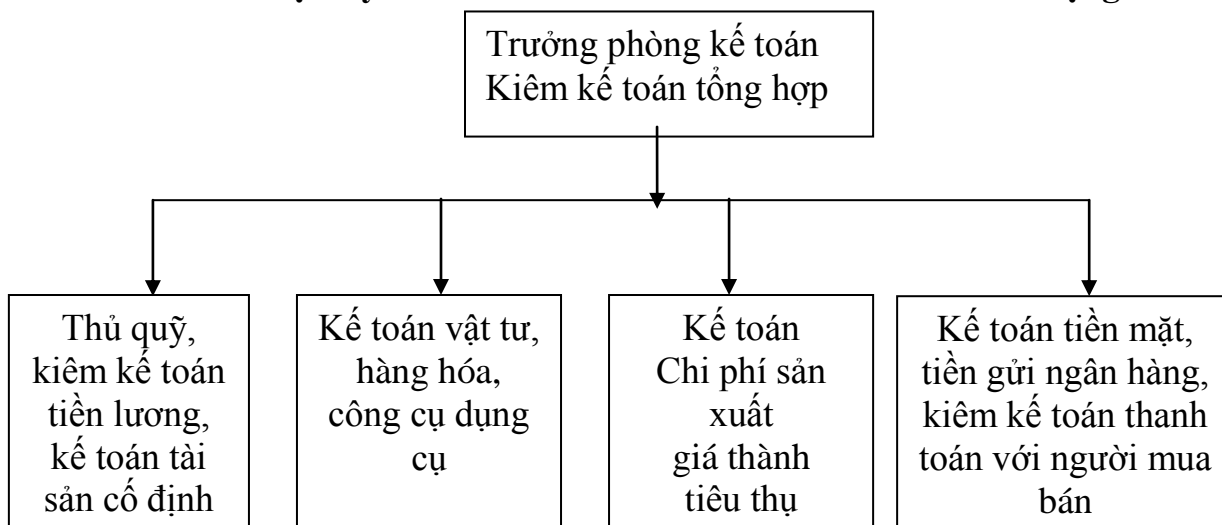
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phụng

Để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán tập trung để phù hợp với đặc điểm tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh của mình.

Hình thức này giúp cho việc chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo tính chặt chẽ. Sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Công ty đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác kế toán trong Công ty.

Bộ máy kế toán của công ty có nhiệm vụ hạch toán toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh của công ty, theo dõi, phân tích tình hình tài chính của Công ty, cung cấp các thông tin cho tài chính cho ban giám đốc.

Sơ đồ 2.3: Bộ máy kế toán TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương



- **Trưởng phòng kế toán kiêm kế toán tổng hợp:** Là người giúp cho giám đốc trong công tác chuyên môn mà mình đảm nhiệm, có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các nghiệp vụ của công ty, bao quát toàn bộ công tác kế toán của công ty, đôn đốc các kế toán viên hoàn thành công việc kịp thời, chính xác, tổ chức công tác kế toán và các báo cáo, xây dựng kế hoạch tài chính của công ty.

- **Thủ quỹ, kiêm kế toán tiền lương, kế toán tài sản cố định:** giữ tiền và các khoản tương đương tiền; nhập xuất tiền theo giấy tờ hợp lệ của cơ quan (phiếu chi, phiếu xuất); Lập sổ quỹ tiền mặt, sau đó đối chiếu với sổ cái tiền mặt. Tính lương và trích các khoản theo lương kịp thời chính xác. Kế toán viên có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng, giảm của tài sản cố định và sự biến động của các khoản đầu tư dài hạn. Từ đó công ty có biện pháp cụ thể với các khoản đầu tư dài hạn.

- **Kế toán vật tư, hàng hóa, công cụ dụng cụ:** Hạch toán đầy đủ, kịp thời số liệu, tình hình biến động của nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ nhập xuất.

- **Kế toán chi phí sản xuất, giá thành, tiêu thụ:** có nhiệm vụ ghi chép, theo dõi tình hình, phản ánh một cách khoa học các chi phí sản xuất phục vụ yêu cầu tính giá thành và xác định kết quả tiêu thụ thành phẩm. Hạch toán chi tiết và tổng hợp số sản phẩm đã tiêu thụ, theo dõi các khoản công nợ thống kê tổng hợp.

- **Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán với người mua, người bán:** Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu, chi và tình hình tăng giảm, thừa thiếu của từng loại vốn bằng tiền. Đồng thời hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ. Kiểm tra thường xuyên, đối chiếu số liệu củ thủ quỹ với kế toán tiền mặt để đảm bảo tính cân đối thống nhất. Theo dõi các khoản phải thu, phải trả với khách hàng.

2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

- Niên độ kế toán từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Việt Nam đồng
- Hình thức ghi sổ kế toán: Nhật ký chung
- Doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Khấu hao tuyến tính (theo đường thẳng).
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp xác định trị giá vật tư, thành phẩm xuất kho: Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ.

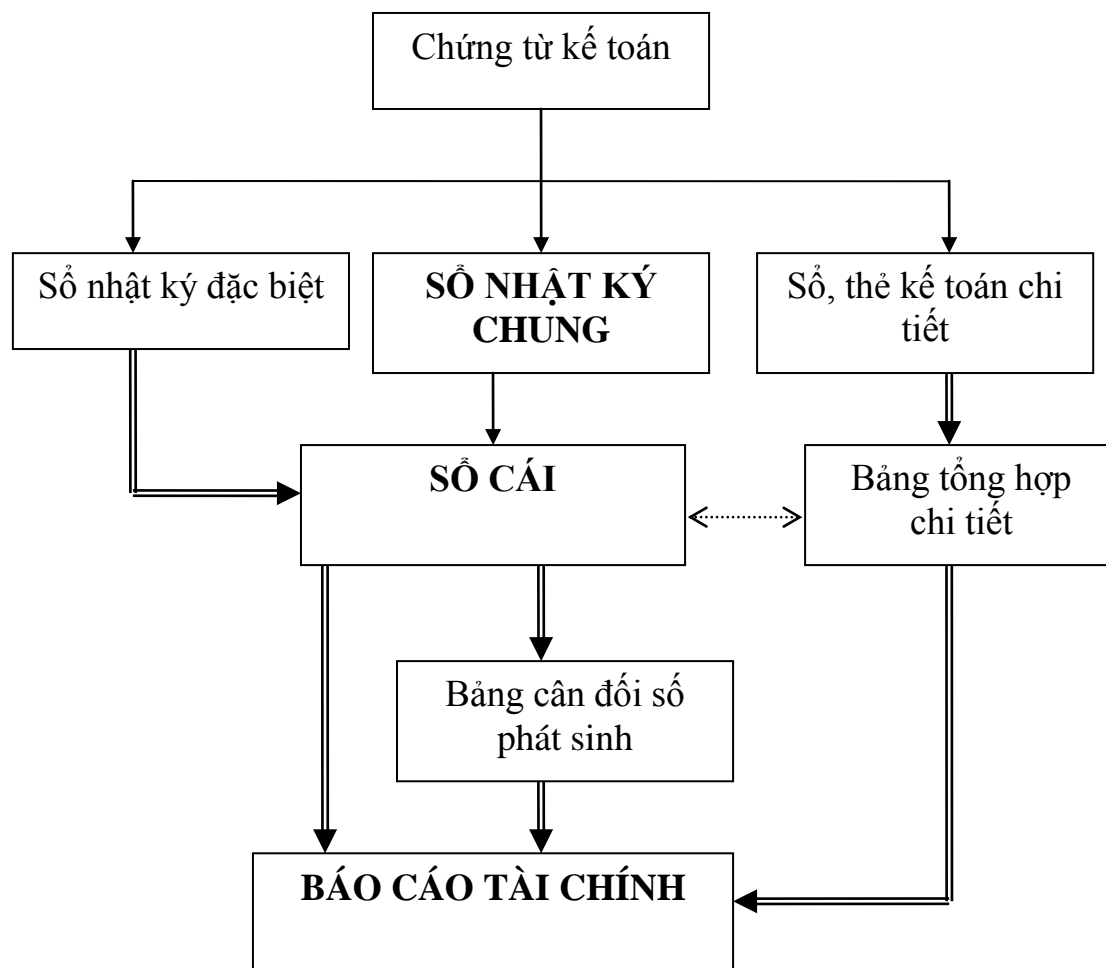
Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật Ký Chung rất thuận tiện trong công tác kế toán và phù hợp với quy mô của Công ty đảm bảo cho việc cung cấp thông tin nhanh, chính xác.

Hệ thống báo cáo tài chính theo quyết định này bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số 03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DN)

Riêng báo cáo gửi cho cơ quan thuế phải có thêm bảng cân đối tài khoản.

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung tại công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương



Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;

- Sổ Cái;

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

✓ Sổ Nhật ký đặc biệt gồm:

+ Nhật ký thu tiền

+ Nhật ký chi tiền

+ Nhật ký mua hàng

+ Nhật ký bán hàng

• **Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH MINH PHƯỢNG

2.2.1/ *Đặc điểm chi phí sản xuất của công ty*

Mỗi doanh nghiệp sản xuất ở các ngành nghề khác nhau thì đặc điểm sản xuất, đặc điểm sản phẩm cũng khác nhau. Theo đó, chi phí sản xuất phát sinh ở mỗi ngành cũng có những đặc thù riêng.

Tại công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng, chi phí sản xuất có một số đặc điểm sau:

- Do quy trình sản xuất phức tạp, quy mô sản xuất lớn và sản xuất sản phẩm đơn chiếc nên chi phí sản xuất thường được tập hợp theo công trình hoặc theo từng đơn đặt hàng.
- Là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cơ khí, chế tạo và lắp đặt phi tiêu chuẩn các thiết bị chủ yếu cho cơ giới hóa và cơ sở hạ tầng nên chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 65% - 70% giá trị sản phẩm). Vật liệu chính thường bỏ ngay từ khi bắt đầu sản xuất, ví dụ như để sản xuất một lô cáp cho đơn đặt hàng LS- Vina nguyên vật liệu chính là thép tấm 3 ly phải xuất đủ ngay từ khi bắt đầu sản xuất.

Chi phí sản xuất theo từng khoản mục cho từng đơn đặt hàng phần lớn là dựa trên định mức do phòng kế hoạch vật tư xây dựng sẵn. Định mức này sẽ là cơ sở để kế toán vật tư xuất nguyên vật liệu.

2.2.2/ *Phân loại chi phí sản xuất*

Nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của công ty cũng như theo quy định của Nhà nước, chi phí sản xuất được chia theo các khoản mục sau:

* **Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:** Là những chi phí về vật liệu chính (các loại sắt, thép, tôn...), vật liệu phụ (đất đèn, ôxi, sơn epoxy...), nhiên liệu (gas, dầu diezen...) sử dụng vào mục đích trực tiếp sản xuất sản phẩm của công ty.

* **Chi phí nhân công trực tiếp:** Là những chi phí về tiền lương gồm lương sản phẩm cá nhân trực tiếp, lương sản phẩm tập thể, lương thời gian, các khoản phụ cấp và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN của công nhân trực tiếp sản xuất.

* **Chi phí sản xuất chung:** Bao gồm các chi phí dùng cho hoạt động sản xuất chung ở phân xưởng ngoài hai khoản mục trên. Để phục vụ cho công tác quản lý ở trong phân xưởng theo quy định hiện hành, đồng thời giúp kế toán thuận lợi trong việc xác định các chi phí sản xuất theo yếu tố, toàn bộ chi phí sản xuất chung phát sinh tại phân xưởng sản xuất được chia thành:

- Chi phí nhân viên phân xưởng: Bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương mà công ty phải trả cho nhân viên quản lý phân xưởng.

- Chi phí dụng cụ đồ dùng: Bao gồm chi phí như dụng cụ bảo hộ lao động, đồ dùng phục vụ sản xuất: Búa, kính hàn, mũi khoan...

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: Là toàn bộ số tiền trích khấu hao tài sản cố định sử dụng ở phân xưởng như : Máy tiện, máy khoan tự tính, máy hàn...

- Chi phí dịch vụ mua ngoài.

- Chi phí khác bằng tiền.

2.2.3/ Đối tượng tính giá thành, kỳ tính giá thành

Là doanh nghiệp sản xuất chế tạo các sản phẩm cơ khí sản phẩm của công ty thường có khối lượng lớn, sản xuất đơn chiếc nên đối tượng tính giá thành được công ty xác định là đơn đặt hàng đã hoàn thành được quyết toán.

Xuất phát từ các đặc điểm trên và để phù hợp với đối tượng tính giá thành mà doanh nghiệp đã xác định, kỳ tính giá thành ở công ty thường phù hợp với quá trình sản xuất sản phẩm nghĩa là khi đơn đặt hàng hoàn thành.

Với các đơn đặt hàng có giá trị lớn, thời gian kéo dài thì kỳ tính giá thành có thể theo năm. Đối với đơn đặt hàng chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 thì kỳ tính giá thành theo tháng.

Như vậy kỳ tính giá thành của công ty có thể theo năm hoặc theo tháng, quý tùy theo từng đơn đặt hàng.

Do công ty có quy mô sản xuất lớn mà thời gian thực tập lại hạn chế nên trong đề tài này em chỉ xin chọn đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành là đơn đặt hàng chế tạo lô , giá đỡ, tấm văng lô F3700 cho công ty cổ phần cáp điện LS-Vina, một trong những đơn đặt hàng đã được công ty thực hiện trong tháng 12 năm 2010. Đơn đặt hàng được thực hiện theo hợp đồng số 0512/HĐCT, hợp đồng được ký kết vào ngày 2/12/2010 nhưng bắt đầu sản xuất từ ngày 05 đến ngày 28/12/2010. Đơn đặt hàng được thực hiện ngay tại xưởng sản xuất Cách Thượng, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng. Đối tượng tính giá thành sản phẩm là đơn đặt hàng, phương pháp tính giá thành là theo phương pháp trực tiếp.

2.2.4/ Kế toán tập hợp chi phí sản xuất

2.2.4.1/ Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Nguyên vật liệu trực tiếp của công ty bao gồm: Nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu...

Trong đó:

- Nguyên vật liệu chính gồm: các loại thép như thép tấm 3 ly, thép INOC, thép Φ16, thép L75x75x6, thép U280*80, thép ống F89, ...;
- Vật liệu phụ gồm: Các loại que hàn, ôxi, đất đèn, dây kềm....
- Nhiên liệu gồm: Xăng, dầu diezen, gas.

❖ Chứng từ, sổ kế toán và tài khoản sử dụng

Chứng từ, sổ kế toán sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Bảng kê phiếu xuất theo đơn đặt hàng
- Báo cáo tổng hợp nhập xuất kho theo đơn đặt hàng
- Sổ chi tiết TK 621
- Sổ cái TK 621

TK sử dụng: 621 “Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp”

TK 621 được mở chi tiết cho từng đơn đặt hàng.

Trong đó: 62105 là số hiệu tài khoản để theo dõi chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho sản xuất đơn đặt hàng chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700.

❖ **Phương pháp kế toán**

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất trong tháng và định mức tiêu hao nguyên vật liệu do phòng kỹ thuật lập, tổ trưởng của các ca viết phiếu yêu cầu xuất nguyên vật liệu. Phiếu này phải có chữ ký của quản đốc phân xưởng và được lập thành hai liên: Phân xưởng lưu một liên và một liên giao cho thủ kho.

Mẫu số 2.1: Phiếu yêu cầu xuất nguyên vật liệu

CÔNG TY TNHH SXKD MINH PHƯỢNG

68 Kiến Thiết- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng

PHIẾU YÊU CẦU XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

Họ tên người yêu cầu xuất: Đặng Quang Hiếu

Lý do xuất: Phục vụ chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700

STT	Tên, quy cách, nhãn hiệu, vật tư, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thép L75x75x6	L75	Kg	780,05
2	Thép tấm δ 16	R16	Kg	12.434,4
3	Thép tấm δ 20	R20	Kg	3768
4	Thép U120x6m	U120	Kg	605

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Căn cứ vào phiếu yêu cầu xuất nguyên vật liệu, thủ kho tiến hành kiểm tra xem kho có đáp ứng được yêu cầu vật tư cho sản xuất và phù hợp định mức vật tư hay không. Nếu đáp ứng được thì thủ kho đưa phiếu yêu cầu xuất nguyên vật liệu cho kế toán để viết phiếu xuất kho.

Sau khi làm xong thủ tục xin lĩnh vật tư tại phòng kế toán Công ty, người xin lĩnh vật tư sẽ đưa tới cho thủ kho phiếu xuất vật tư và sau đó phiếu xuất vật tư sẽ được thủ kho gửi về phòng kế toán cho kế toán viên phụ trách vật tư đó. Lúc này kế toán vật tư sẽ phản ánh và ghi sổ kế toán chi tiết hàng tồn kho của Công ty sử dụng phương pháp thẻ song song để kiểm tra đối chiếu giữa thủ kho và kế toán.

Mẫu số 2.2: Phiếu xuất kho

Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương
Số 68-Kiến Thiết- Sờ Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số: 02-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

Nợ: 621

Số: PXCT08/12

Có: 152

- Họ tên người nhận hàng: Đặng Quang Hiếu
- Địa chỉ (bộ phận): Phân xưởng sản xuất Cách Thượng
- Lý do xuất kho: Xuất chế tạo lô, giá đỡ, tám văng lô F3700
- Xuất tại kho (ngăn lô): Vật tư

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép U120x6m	U120	kg	605	605		
2	Thép tám δ 16	R16	kg	12.434,40	12.434,40		
3	Thép tám δ 20	R20	kg	3.768	3.768		
4	Thép L75x75x6m	L75	kg	780,05	780,05		
Cộng							

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ):

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)* **(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)** *(Ký, họ tên, đóng dấu)*
(Ký, họ tên)

Trong tháng khi phát sinh nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, thủ kho chỉ hạch toán về mặt số lượng trên phiếu xuất kho và thẻ kho. Cuối tháng kế toán mới tính toán ra giá xuất kho cho từng nguyên vật liệu và hạch toán về mặt giá trị.

Đơn giá vật tư xuất kho được Công ty tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Do đó khi nhập số liệu trên phiếu xuất kho chỉ cần nhập chỉ tiêu số lượng, còn giá trị xuất kho của vật tư tính vào cuối tháng.

Từ phiếu xuất kho, thủ kho vào thẻ kho và kế toán cập nhật số liệu trên phiếu xuất kho vào Sổ chi tiết nguyên vật liệu.

Đơn giá nguyên vật liệu xuất dùng được tính theo công thức:

$$\text{Đơn giá} = \frac{\begin{array}{c} \text{Giá thực tế của vật} \\ \text{liệu tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Giá thực tế của vật liệu} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{Số lượng vật liệu tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Số lượng vật liệu nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}$$

Giá trị thực tế xuất kho = Đơn giá vật tư xuất kho x Số lượng vật tư xuất kho

Các phiếu xuất kho được dùng làm căn cứ để kế toán vật tư ghi sổ chi tiết vật tư. Trong tháng khi nhận được phiếu xuất kho vật tư kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết vật tư theo lượng thực xuất. Đơn giá xuất là giá thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Sau mỗi lần nhập - xuất vật tư, kế toán vật tư phải tính lượng vật tư tồn kho để ghi vào cột tồn trên sổ. Số liệu từ sổ chi tiết được lấy số cộng để ghi vào bảng tổng hợp chi tiết cuối kỳ. Căn cứ vào đó kế toán hạch toán chi phí nguyên vật liệu sản xuất phát sinh trong kỳ.

Các Phiếu xuất kho là căn cứ để ghi Sổ nhật ký chung (xem mẫu số 2.3), Sổ chi tiết tài khoản 621 (xem mẫu số 2.4).

Các số liệu trên Sổ nhật ký chung và Sổ cái TK 621 trong bài là số liệu sau khi kế toán đã tính trị giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ rồi điền vào cột Số phát sinh trên Sổ nhật ký chung và từ Sổ nhật ký chung số liệu tự động điền vào cột Số tiền trong Sổ cái TK 621 thông qua công thức Excel.

Mẫu số 2.3: Trích Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH SXKD Minh Phương				Ban hành theo quyết định số 15/2006QĐ- BTC			
Số 68- Kiến Thiết- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng				Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC			
Mã số thuế: 0200459834				SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2010			
							Đơn vị tính: VND
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh		
	Số	Ngày			Nợ	Có	
704	12/05/2010	PXCT04/12	12/05/2010	Xuất CT: chế tạo, LD k/c thép nhà xưởng sx lưới thép- Lê Văn Cường	62103	130.012.991	
705					152		130.012.991
706	12/05/2010	PXCT05/12	12/05/2010	Xuất CT: chế tạo, LD k/c thép nhà xưởng sx lưới thép-Vũ Hữu Hạnh	62103	276.944.574	
707					152		276.944.574
708	12/05/2010	PXCT06/12	12/05/2010	Xuất CT: nhà xưởng thực hành- Đặng Văn Cường	62104	147.904.909	
709					152		147.904.909
710	12/05/2010	PXCT07/12	12/05/2010	Xuất CT: ống, bích, tăng cứng- Cty Đăng Khoa- Đặng Ngọc Hồng	62104	59.394.200	
711					152		59.394.200
712	12/05/2010	PXCT08/12	12/05/2010	Xuất CT: lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700- Đặng Quang Hiều	62105	209.425.016	
713					152		209.425.016
714	12/05/2010	PXCT09/12	12/05/2010	Xuất CT: chế tạo thùng chứa ben, ống casing- Cty Song Việt- Nguyễn H	62106	230.262.314	
715					152		230.262.314
716	12/05/2010	PXCT10/12	12/05/2010	Xuất CT: chế tạo thép hình- Cty CP LM5- Đặng Ngọc Hồng	62107	82.141.637	

Công ty TNHH SXKD Minh Phương
 Số 68 Kiến Thiết- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng
 Tên đơn đặt hàng: Chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lò F3700

Mẫu số 2.4: Sổ chi tiết tài khoản 621

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản: 621 - Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
05/12/2010	PXCT08/12	05/12/2010	Thép U120x6m	152	7.567.918		7.567.918	
05/12/2010	PXCT08/12	05/12/2010	Thép tấm δ16	152	135.648.113		143.216.031	
05/12/2010	PXCT08/12	05/12/2010	Thép tấm δ20	152	36.603.445		179.819.476	
05/12/2010	PXCT08/12	05/12/2010	Thép L75x6m	152	7.534.997		187.354.473	
06/12/2010	PXCT11/12	06/12/2010	Gas 13kg	152	365.035		187.719.508	
06/12/2010	PXCT11/12	06/12/2010	Oxy	152	182.221		187.901.730	
06/12/2010	PXCT11/12	06/12/2010	CO2	152	285.715		188.187.445	
06/12/2010	PXCT11/12	06/12/2010	Sơn chống gỉ	152	867.126		189.054.571	
06/12/2010	PXCT11/12	06/12/2010	Dây hàn 1,2 ly	152	2.437.717		191.492.288	
06/12/2010	PXCT11/12	06/12/2010	Dung môi	152	240.000		191.732.288	
10/12/2010	PXCT15/12	10/12/2010	Thép L150x150x12	152	14.611.596		206.343.884	
10/12/2010	PXCT15/12	10/12/2010	Thép tấm δ2,5	152	6.993.345		213.337.229	
10/12/2010	PXCT15/12	10/12/2010	Thép ống 32x4	152	124.427.484		337.764.713	
10/12/2010	PXCT15/12	10/12/2010	Thép L80x6	152	132.630.370		470.395.050	
31/12/2010	KC09/12	31/12/2010	Kết chuyển CPNVLT sang TK 154	15405		470.395.050	-	-
			Cộng số phát sinh		470.395.050	470.395.050		
			Số dư cuối kỳ		-	-		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Từ sổ Nhật ký chung, máy sẽ tự nhảy số liệu vào sổ cái TK 621 thông qua các công thức Excel.

Mẫu số 2.5: Trích Sổ cái TK 621

Công ty TNHH SXKD Minh Phương				Ban hành theo quyết định số 15/2006QĐ- BTC				
Số 68- Kiên Thiết- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng				Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC				
Mã số thuế: 0200459834				SỔ CÁI				
Tháng 12 năm 2010								
Tên tài khoản: Chi phí NVL trực tiếp				Số liệu: 621				
Số liệu:				621				
Ngày tháng cập nhật	Chứng từ		Diễn giải	NK CHUNG		Số tiền		
	Số	Ngày		Trang số	STT đơn	Nợ	Có	
A	B	C	D	E	G	H	I	
SỐ DƯ ĐẦU KỲ							-	-
05/12/2010	PXCT06/12	05/12/2010	Xuất CT: nhà xưởng thực hành- Đặng Văn Cường	64	697	152	147.904.909	
05/12/2010	PXCT07/12	05/12/2010	Xuất CT: ống, bích, tăng cứng- Cty Đăng Khoa- Đặng Ngọc Hồng	64	699	152	59.394.200	
05/12/2010	PXCT08/12	05/12/2010	Xuất CT: lò, giá đỡ, tấm văng lò F3700- Đặng Quang Hiếu	64	701	152	209.425.016	
05/12/2010	PXCT09/12	05/12/2010	Xuất CT: chế tạo thùng chứa ben, ống casing- Cty Song Việt- Nguyễn Hữu T	64	703	152	230.262.314	
05/12/2010	PXCT10/12	05/12/2010	Xuất CT: chế tạo thép hình- Cty CP LM5- Đặng Ngọc Hồng	65	705	152	82.141.637	
31/12/2010	KC09/12	31/12/2010	KC chi phí NVL TT ĐDH chế tạo lò, giá đỡ, tấm văng lò F3700 sang TK 154	92	1008	15405		470.395.050
CỘNG PHÁT SINH							2.073.792.331	2.073.792.331
SỐ DƯ CUỐI KỲ								
							Ngày 31 tháng 12 năm 2010	

Cuối tháng căn cứ vào Sổ chi tiết tài khoản trên, kế toán ghi vào Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản.

Mẫu số 2.6: Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản

Công ty TNHH SXKD Minh Phương

Số 68 Kiến Thiết- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng

Tên đơn đặt hàng: Chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700

BẢNG TỔNG HỢP PHÁT SINH TÀI KHOẢN

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản: 62105 - Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

TK đối ứng	Tên TK đối ứng	Nợ	Có
1	2	3	4
152	Nguyên liệu, vật liệu	470.395.050	
154	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		470.395.050
Cộng		470.395.050	470.395.050
Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Các chứng từ gốc còn là căn cứ để định kỳ kế toán lập

Bảng kê phiếu xuất theo đơn đặt hàng (xem mẫu số 2.7)

Báo cáo tổng hợp xuất kho theo đơn đặt hàng (xem mẫu số 2.8).

Mẫu số 2.7: Bảng kê phiếu xuất theo đơn đặt hàng

Công ty TNHH SXKD Minh Phương

Số 68 Kiến Thiết- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng

BẢNG KÊ PHIẾU XUẤT THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

Tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Vật tư	Đơn vị	Mã kho	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Ngày	Số						
ĐT tập hợp CP:		F3700-Chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700					
05/12/2010	PXCT08/12	Thép L75x6m	kg	152	779,05	9.714,29	7.567.918
05/12/2010	PXCT08/12	Thép tấm δ16	kg	152	12434,4	10.909,10	135.648.113
05/12/2010	PXCT08/12	Thép tấm δ20	kg	152	3768	9.714,29	36.603.445
05/12/2010	PXCT08/12	Thép	kg	152	605	12.454,54	7.534.997
06/12/2010	PXCT11/12	Gas 13kg	bình	152	1,5	243.356,96	365.035
06/12/2010	PXCT11/12	Oxy	chai	152	5	36.444,29	182.221
06/12/2010	PXCT11/12	CO2	chai	152	3	95.238,26	285.715
06/12/2010	PXCT11/12	Sơn chống gỉ	lít	152	20	43.356,32	867.126
06/12/2010	PXCT11/12	Dây hàn 1,2 ly	kg	152	112	21.765,33	2.437.717
06/12/2010	PXCT11/12	Dung môi	lít	152	10	24.000,00	240.000
10/12/2010	PXCT15/12	Thép	kg	152	1099,5	13.289,31	14.611.596
10/12/2010	PXCT15/12	Thép L80x6	kg	152	9980,23	13.289,31	132.630.370
10/12/2010	PXCT15/12	Thép ống 32x4	kg	152	11109,2	11.200,40	124.427.484
10/12/2010	PXCT15/12	Thép tấm δ2,5	kg	152	680,98	10.269,53	6.993.345
Cộng theo ĐT tập hợp CP							470.395.050
Tổng cộng							470.395.050

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH SXKD Minh Phương
Số 68- Kiến Thiết- Sở Dầu- Hồng Bàng-Hải Phòng

BÁO CÁO TỔNG HỢP XUẤT KHO THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

Tháng 12 năm 2010

ĐT tập hợp chi phí: F3700 - Chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700

Mã kho: 152

Tên kho: Vật tư

Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị	TK		Xuất kho	
			Nợ	Có	Số lượng	Giá trị
Mã loại vật tư: VT		Tên loại vật tư: Vật tư				
T120x6	Thép U120x6m	kg	621	152	605	7.534.997
T150x12	Thép	kg	621	152	1098,34	14.596.181
T16	Thép tấm δ16	kg	621	152	12434,4	135.648.113
GAS	Gas 13kg	bình	621	152	1,5	365.035
OXY	Oxy	chai	621	152	5	182.221
CO2	CO2	chai	621	152	3	285.715
SCG	Sơn chống gỉ	lít	621	152	20	867.126
DH1,2	Dây hàn 1,2 ly	kg	621	152	112	2.437.717
DM	Dung môi	lít	621	152	10	240.000
T2,5	Thép tấm δ2,5	kg	621	152	768,98	7.897.063
T20	Thép tấm δ20	kg	621	152	3768	36.603.445
T32x4	Thép ống 32x4	kg	621	152	11109,2	124.427.484
T75x6	Thép L75x6m	kg	621	152	780,05	7.577.632
T80x6	Thép L80x6	kg	621	152	9980,23	132.630.370
T16	Thép tròn Ø16	kg	621	152	299	3.479.765
Cộng (Mã loại vật tư)						470.395.050
Cộng kho						470.395.050
Cộng theo ĐT tập hợp CP						470.395.050
Tổng cộng						470.395.050

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4.2/ Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là một bộ phận quan trọng cấu thành nên giá thành sản phẩm. Do đó việc tính toán và hạch toán đầy đủ chi phí nhân công trực tiếp cũng như việc trả lương chính xác, kịp thời có ý nghĩa rất quan trọng trong việc quản lý thời gian lao động, quản lý quỹ lương của công ty, tiến tới quản lý tốt chi phí và giá thành.

Tại công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng, chi phí nhân công trực tiếp thường chiếm tỷ trọng 10-15% giá trị sản phẩm sản xuất.

Về nội dung, chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất (lương chính, lương phụ, tiền ăn ca và các khoản phụ cấp có tính chất lương) và các khoản trích theo lương được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh theo tỷ lệ quy định đối với tiền lương công nhân sản xuất.

Việc tính lương và các khoản phải trả có tính chất lương cho công nhân sản xuất nói riêng và nhân viên trong công ty nói chung được thực hiện dưới hai hình thức trả lương cơ bản là lương thời gian và lương sản phẩm nhằm gắn người lao động với kết quả lao động cuối cùng, kích thích người lao động tăng năng suất lao động.

+ *Hình thức trả lương theo thời gian :*

Được tính cho khối quản lý Doanh nghiệp và phục vụ sản xuất chung, căn cứ vào số ngày công của mỗi người và hệ số lương của người đó kế toán tiền lương tính lương như sau :

$$+) \text{ Mức lương thực tế} = \frac{\text{Mức lương cơ bản tối thiểu} \times \text{Hệ số lương}}{26} \times \text{Số ngày làm việc}$$

$$+) \text{ Tiền lương thời gian phải trả} = \text{Thời gian làm việc} \times \text{Đơn giá tiền lương thời gian}$$

- Hệ số lương: Căn cứ vào cấp bậc lương của công nhân viên trong công ty.

- Mức lương cơ bản tối thiểu là mức lương do Nhà nước quy định. Hiện nay, mức lương tối thiểu là 830.000 đồng.

Nhưng tại thời điểm của đơn đặt hàng thì lương tối thiểu vẫn là 730.000 đồng.

+ *Hình thức trả lương theo sản phẩm :*

Là tiền lương được tính theo khối lượng công việc đã hoàn thành ở mỗi kỳ hạch toán của từng sản phẩm.

Do đặc điểm riêng có của ngành nói chung và Công ty nói riêng nên tiền lương sản phẩm ở mỗi kỳ của một sản phẩm khi đang làm dở chưa hoàn thành khối lượng công việc được tính lương chỉ có tính chất tương đối (như là tạm ứng) cho đến trước kỳ cuối sản phẩm hoàn thành.

Ở kỳ sản phẩm hoàn thành, căn cứ vào khối lượng công việc được tính cho sản phẩm kế toán tiền lương tính lương chính thức phải trả cho sản phẩm hoàn thành sau đó trừ đi tiền lương đã trả ở các kỳ trước, số còn lại được thanh toán tiếp ở kỳ cuối cùng khi sản phẩm hoàn thành.

$$\begin{array}{l}
 +) \text{ Tiền lương} \qquad \qquad \text{Khối lượng công việc} \qquad \qquad \text{Đơn giá tiền lương} \\
 \text{sản phẩm} \qquad = \qquad \text{đã thực hiện cho sản phẩm} \times \text{ cụ thể của từng loại} \\
 \text{phải trả} \qquad \qquad \qquad \text{hoàn thành} \qquad \qquad \qquad \text{công việc}
 \end{array}$$

❖ *Các khoản trích theo lương tại công ty bao gồm: BHXH, BHYT, BHTN.* Trong đó:

Khoản mục	Doanh nghiệp phải đóng	Cán bộ công nhân viên phải đóng	Cộng
BHXH	16%	6%	22%
BHYT	3%	1.5%	4.5%
BHTN	1%	1%	2%
Cộng	20%	8.5%	28.5%

✓ **Các chứng từ và sổ sách sử dụng**

- + Bảng chấm công
- + Bảng nghiệm thu công việc
- + Bảng thanh toán tiền lương

- + Danh sách người lao động hưởng trợ cấp BHXH
- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- + Bảng thanh toán BHXH
- + Sổ cái TK 334, TK 338...

✓ **Tài khoản sử dụng**

Kế toán sử dụng Tài khoản 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”

TK 622 được mở chi tiết cho từng đơn đặt hàng.

Trong đó: 62205 là số hiệu tài khoản để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp cho sản xuất đơn đặt hàng chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700.

Một số TK liên quan như: TK 334, 338, 111, 112,...

TK 338 “Phải trả phải nộp khác” gồm: + 3383- Bảo hiểm xã hội

+ 3389- Bảo hiểm thất nghiệp

+ 3384- Bảo hiểm y tế

✓ **Phương pháp hạch toán**

Hàng tháng, căn cứ vào bảng chấm công, khối lượng sản phẩm hoàn thành, phiếu kiểm nghiệm sản phẩm hoàn thành, kế toán xác định ngày công lao động, sản phẩm hoàn thành thực tế để tính lương và các khoản trích theo lương.

Sau đây, em xin trích một số số liệu về quá trình hạch toán tiền lương tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương.

Một trong những chứng từ kế toán sử dụng để hạch toán tiền lương là bảng chấm công. Bảng chấm công do tổ trưởng các tổ theo dõi và chấm hàng ngày.

Mẫu số 2.9: Bảng chấm công theo đơn đặt hàng

Căn cứ vào bảng chấm công, khối lượng sản phẩm hoàn thành, phiếu kiểm nghiệm sản phẩm hoàn thành có đầy đủ xác nhận của các bên có liên quan, kế toán sẽ lập Bảng kê trích nộp BHXH+BHYT+BHTN và Bảng thanh toán lương tiền ăn ca theo đơn đặt hàng.

Mẫu số 2.10: Bảng kê trích nộp BHXH+BHYT+BHTN

Mẫu số 2.11: Bảng thanh toán lương tiền ăn ca theo đơn đặt hàng

CÔNG TY TNHH SXKD Minh Phương

MST: 0200459834

Tên đơn đặt hàng: Chế tạo lò, giá đỡ, tấm văng lò F3700- LS-Vina

Số hợp đồng: 0512/HĐCT

BẢNG CHẤM CÔNG THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

Tháng 12/2010

TT	Họ và tên	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	Tổng ngày công
1	Đặng Quốc Lâm	1	1	1	1		1	1	1	1	1	0		1	1	1	1	1	0		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	0	24
2	Nguyễn Văn Thịnh	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	0	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	26
3	Nguyễn Thị Lan	1	1	1	0		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	0		1	1	1	1	1	25
4	Bùi Đức Trí	1	1	1	1		1	1	1	1	0	1		1	1	1	1	1	0		1	1	1	1	1	1		1	1	0	1	1	24
5	Mai Hoàng Nam	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	0	1		1	1	1	1	1	26
6	Lại Khắc Minh	1	1	1	0		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	0	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	0	24
7	Bùi Thị Quỳnh	1	1	1	1		1	1	1	1	1	0		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	0		1	1	1	1	1	25
8	Lê Văn Duy	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		0	1	1	1	1	1		1	1	1	0	1	1		1	1	1	0	1	24
9	Đặng Thế Vinh	1	1	1	1		1	1	1	1	1	0		1	1	1	1	1	0		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	25
10	Đặng Văn Duy	1	1	1	1		1	1	0	1	1	1		1	1	1	1	1	0		1	1	1	1	1	1		0	1	1	1	0	23
11	Lại Quốc Huy	1	1	1	1		1	1	1	1	1	0		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	26
12	Nguyễn Thị Sáu	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	0	1		1	1	1	1	1	26
13	Hoàng Gia Ninh	1	1	1	1		1	0	1	1	1	0		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	0	1	1	24
14	Hoàng Gia Thủy	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	27
	Cộng	14	14	14	12	0	14	13	13	14	13	9	0	13	13	14	14	13	10	0	14	14	14	13	12	12	0	13	14	12	13	11	349

Ngày 31 tháng 12 năm .2010

Người chấm công

(Ký, họ tên)

Người duyệt

(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH SXKD Minh Phương

MST: 0200459834

Tên đơn đặt hàng: Chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700- LS-Vina

Số hợp đồng: 0512/HĐCT

BẢNG KÊ TRÍCH NỘP BHXH+BHYT+BHTN

Tháng 12/2010

Họ và tên	Hệ số lương	Lương đóng BH	DN phải đóng			CBCNV phải đóng			Thành tiền 1 tháng
			BHXH 16%	BHYT 3%	BHTN 1%	BHXH 5%	BHYT 1,5%	BHTN 1%	
Đặng Quốc Lâm	2,55	1.861.500	297.840	55.845	18.615	93.075	27.923	18.615	511.913
Nguyễn Văn Thịnh	2,16	1.576.800	252.288	47.304	15.768	78.840	23.652	15.768	433.620
Nguyễn Thị Lan	1,83	1.335.900	213.744	40.077	13.359	66.795	20.039	13.359	367.373
Bùi Đức Trí	2,31	1.686.300	269.808	50.589	16.863	84.315	25.295	16.863	463.733
Mai Hoàng Nam	2,31	1.686.300	269.808	50.589	16.863	84.315	25.295	16.863	463.733
Lại Khắc Minh	2,31	1.686.300	269.808	50.589	16.863	84.315	25.295	16.863	463.733
Bùi Thị Quỳnh	1,83	1.335.900	213.744	40.077	13.359	66.795	20.039	13.359	367.373
Lê Văn Duy	2,16	1.576.800	252.288	47.304	15.768	78.840	23.652	15.768	433.620
Đặng Thế Vinh	2,16	1.576.800	252.288	47.304	15.768	78.840	23.652	15.768	433.620
Đặng Văn Duy	1,96	1.430.800	228.928	42.924	14.308	71.540	21.462	14.308	393.470
Lại Quốc Huy	1,96	1.430.800	228.928	42.924	14.308	71.540	21.462	14.308	393.470
Nguyễn Thị Sáu	1,83	1.335.900	213.744	40.077	13.359	66.795	20.039	13.359	367.373
Hoàng Gia Ninh	2,55	1.861.500	297.840	55.845	18.615	93.075	27.923	18.615	511.913
Hoàng Gia Thủy	2,71	1.978.300	316.528	59.349	19.783	98.915	29.675	19.783	544.033
TỔNG CỘNG		2.359.900	3.577.584	670.797	223.599	1.117.995	335.399	223.599	6.148.973

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

Người lập

CÔNG TY TNHH SXKD Minh Phương

MST: 0200459834

Tên đơn đặt hàng: Chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700- LS-Vina

Số hợp đồng: 0512/HĐCT

BẢNG TT LƯƠNG, TIỀN ĂN CA CÔNG NHÂN THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

Tháng 12 /2010

TT	Họ và tên	Số công	Mức lương ngày	Thành tiền	Ăn ca	Tổng cộng	Các khoản giảm trừ vào lương	Thực lĩnh	Ký nhận
1	Đặng Quốc Lâm	24	90.000	2.160.000	405.000	2.565.000	139.613	2.425.388	
2	Nguyễn Văn Thịnh	26	100.000	2.600.000	405.000	3.005.000	118.260	2.886.740	
3	Nguyễn Thị Lan	25	90.000	2.250.000	397.500	2.647.500	100.193	2.547.308	
4	Bùi Đức Trí	24	110.000	2.640.000	425.000	3.065.000	126.473	2.938.528	
5	Mai Hoàng Nam	26	110.000	2.860.000	397.500	3.257.500	126.473	3.131.028	
6	Lại Khắc Minh	24	110.000	2.640.000	405.000	3.045.000	126.473	2.918.528	
7	Bùi Thị Quỳnh	25	90.000	2.250.000	405.000	2.655.000	100.193	2.554.808	
8	Lê Văn Duy	24	100.000	2.400.000	405.000	2.805.000	118.260	2.686.740	
9	Đặng Thế Vinh	25	100.000	2.500.000	405.000	2.905.000	118.260	2.786.740	
10	Đặng Văn Duy	23	105.000	2.415.000	397.500	2.812.500	107.310	2.705.190	
11	Lại Quốc Huy	26	105.000	2.730.000	405.000	3.135.000	107.310	3.027.690	
12	Nguyễn Thị Sáu	26	90.000	2.340.000	405.000	2.745.000	100.193	2.644.808	
13	Hoàng Gia Ninh	24	105.000	2.520.000	405.000	2.925.000	139.613	2.785.388	
14	Hoàng Gia Thủy	27	120.000	3.240.000	465.000	3.705.000	148.373	3.556.628	
	Tổng cộng	349	1.425.000	35.545.000	5.727.500	41.272.500	1.676.993	39.595.508	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Giám đốc

Căn cứ vào Bảng thanh toán lương, tiền ăn ca công nhân theo đơn đặt hàng và Bảng kê trích nộp BHXH+BHYT+BHTN kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung.

Kế toán hạch toán: + Nợ TK 62205 : 41.272.500
 Có TK 334 : 41.272.500
 + Nợ TK 62205 : 4.471.980
 Nợ TK 334 : 1.676.993
 Có TK 338 : 6.148.973
 Trong đó: TK 3383 : 4.695.579
 TK 3384 : 1.006.196
 TK 3389 : 447.198

Mẫu số 2.12: Trích Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH SXKD MINH PHƯỢNG				Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC		
Số 68- Kiến Thiết- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng				Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC		
Mã số thuế: 0200459834				SỔ NHẬT KÝ CHUNG		
				<i>Năm 2010</i>		
				<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
1040	31/12/2010	BL09/12	31/12/2010	HT lương, ăn ca CT: Chế tạo lò, giá đỡ, tấm văng lò F3700	62205	41.272.500
1041					334	41.272.500
1042	31/12/2010	PC78/12	31/12/2010	TT lương, ăn ca CT: Chế tạo lò, giá đỡ, tấm văng lò F3700	334	39.595.508
1043					111	39.595.508
1044	31/12/2010	BK09/12	31/12/2010	HT BHXH DN phải nộp T12/2010- Chế tạo lò, giá đỡ, tấm văng lò F3700	62205	3.577.584
1045					3383	3.577.584
1046	31/12/2010	BK09/12	31/12/2010	HT BHYT DN phải nộp T12/2010- Chế tạo lò, giá đỡ, tấm văng lò F3700	62205	670.797
1047					3384	670.797
1048	31/12/2010	BK09/12	31/12/2010	HT BHTN DN phải nộp T12/2010- Chế tạo lò, giá đỡ, tấm văng lò F3700	62205	223.599
1049					3389	223.599
1050	31/12/2010	BK09/12	31/12/2010	HT BHXH NLĐ phải nộp T12/2010- Chế tạo lò, giá đỡ, tấm văng lò F3700	334	1.117.995
1051					3383	1.117.995
1052	31/12/2010	BK09/12	31/12/2010	HT BHYT NLĐ phải nộp T12/2010- Chế tạo lò, giá đỡ, tấm văng lò F3700	334	335.399

Từ sổ Nhật ký chung, máy sẽ tự nhảy số liệu vào sổ cái TK 622

Mẫu số 2.13: Trích Sổ cái TK 622

Công ty TNHH SXKD Minh Phương				Ban hành theo quyết định số 15/2006QĐ- BTC					
Số 68- Kiên Thiết- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng				Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC					
Mã số thuế: 0200459834									
SỔ CÁI									
Tháng 12 năm 2010									
Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp									
Số hiệu:				622					
Ngày tháng cập nhật	Chứng từ		Diễn giải	NK CHUNG		TK đối ứng	Số tiền		
	Số	Ngày		Trang số	STT đơn		Nợ	Có	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	
<u>SỐ DƯ ĐẦU KỲ</u>							-	-	
31/12/2010	BL09/12	31/12/2010	HT lương, ăn ca CT: Chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700	72	784	334	41.272.500		
31/12/2010	BK09/12	31/12/2010	HT BHXH DN phải nộp T12/2010- Chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700	72	788	3383	3.577.584		
31/12/2010	BK09/12	31/12/2010	HT BHYT DN phải nộp T12/2010- Chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700	72	790	3389	670.797		
31/12/2010	BK09/12	31/12/2010	HT BHTN DN phải nộp T12/2010- Chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700	72	792	3384	223.599		
412	31/12/2010	KC 10/12	31/12/2010	KC chi phí NC TT ĐĐH chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 sang TK 154		92	1010	15405	45.744.480
<u>CÔNG PHÁT SINH</u>							462.600.000	462.600.000	
<u>SỐ DƯ CUỐI KỲ</u>									
							Ngày 31 tháng 12 năm 2010		
Người ghi sổ				Kế toán		Giám đốc			
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)			

2.2.4.3/ Kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những chi phí quản lý, phục vụ sản xuất và những chi phí ngoài hai khoản vật liệu trực tiếp và nhân công trực tiếp, phát sinh ở các phân xưởng sản xuất.

❖ Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Các chứng từ dùng để tập hợp chi phí sản xuất chung bao gồm:
 - + Phiếu chi
 - + Bảng tổng hợp trích và phân bổ khấu hao tài sản cố định
 - + Sổ chi tiết công cụ dụng cụ và trích phân bổ công cụ dụng cụ
 - + Phiếu xuất kho
 - + Các hoá đơn tiền điện thoại, điện, nước...

- Công ty sử dụng tài khoản 627- Chi phí sản xuất chung.

TK này được mở theo quy định từng yếu tố cụ thể và cũng được mở chi tiết cho từng đơn đặt hàng.

Trong đó: 62705 là số hiệu tài khoản để theo dõi chi phí sản xuất chung cho sản xuất đơn đặt hàng chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700.

Khi khoản chi phí sản xuất này phát sinh liên quan trực tiếp đến đơn đặt hàng nào thì được tập hợp trực tiếp đối với đơn đặt hàng đó, còn lại nếu liên quan đến nhiều đơn đặt hàng thì sẽ được phân bổ gián tiếp cho từng đơn đặt hàng theo tiêu thức thích hợp.

❖ Nội dung chi phí sản xuất chung ở công ty bao gồm

- **Chi phí nhân viên phân xưởng:** Là chi phí về các khoản tiền lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp và các khoản trích theo lương phải trả cho quản lý phân xưởng, nhân viên phục vụ ở phân xưởng...

- **Chi phí công cụ dụng cụ dùng chung cho phân xưởng:** Gồm các chi phí về dụng cụ bảo hộ lao động, mũ khoan,...

- **Chi phí khấu hao tài sản cố định:** Là các khoản tiền trích khấu hao các tài sản cố định tham gia trực tiếp vào việc sản xuất sản phẩm như khấu hao máy hàn, máy khoan, nhà xưởng...

- **Chi phí dịch vụ mua ngoài:** Gồm các chi phí như: tiền nước, điện thoại, sửa chữa tài sản cố định thuê ngoài phát sinh tại phân xưởng...

- **Chi phí khác bằng tiền:** Bao gồm các chi phí như chi phí tiếp khách, giao dịch và các khoản khác trong phạm vi phân xưởng.

❖ **Trình tự hạch toán**

- **Đối với nhân viên phân xưởng - TK 6271:**

Đối với nhân viên quản lý phân xưởng, cách tính lương được áp dụng là lương theo thời gian. Hàng tháng, kế toán tiền lương căn cứ vào bảng chấm công, hệ số lương và các chính sách về tiền lương để tính ra tiền lương của từng người trong bộ phận quản lý đội, lập bảng thanh toán lương tháng và bảng tổng hợp lương cho từng bộ phận theo đội.

Chi phí nhân viên quản lý đội được phân bổ theo tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất và chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho từng đơn đặt hàng.

$$\begin{aligned} \text{Hệ số phân bổ chi phí nhân viên quản lý} &= \frac{\text{Chi phí nhân viên quản lý cần phân bổ}}{\text{Tổng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp} + \text{Tổng chi phí nhân công trực tiếp}} \\ \text{Mức phân bổ chi phí nhân viên quản lý từng đơn đặt hàng} &= \text{Hệ số phân bổ} \times \left(\begin{array}{l} \text{Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp} \\ \text{từng đơn đặt hàng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí nhân công} \\ \text{trực tiếp từng đơn} \\ \text{đặt hàng} \end{array} \right) \end{aligned}$$

Mẫu số 2.14: Bảng phân bổ chi phí nhân viên

Tháng 12 năm 2010

S T T	Đơn đặt hàng	TK334	TK338			Tổng cộng
			TK3383	TK3384	TK3389	
1	Chế tạo ống, bích, tăng cùm	3.214.920	514.387	96.448	32.149	3.857.904
2	Chế tạo thùng chứa ben, ống casing	2.652.850	424.456	79.586	26.529	3.183.420
3	Chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700	3.563.370	570.139	106.901	35.634	4.276.044
					
	Cộng	35.420.000	5.667.200	1.062.600	354.200	42.504.000

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{35.420.000}{2.073.792.331 + 462.600.000} = 0,013965(\text{lần})$$

Mức phân bổ

$$\begin{aligned} \text{chi phí nhân viên quản lý} &= 0,013965 \times (209.425.016 + 45.744.480) = 3.563.370 \\ & \text{(đồng)} \end{aligned}$$

(ĐH F3700)

Việc phản ánh vào Sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết và Sổ tổng hợp được thực hiện tương tự như đối với chi phí nhân công trực tiếp.

- Đối với chi phí công cụ dụng cụ dùng chung tại phân xưởng

Khi phát sinh nhu cầu sử dụng công cụ dụng cụ như dụng cụ bảo hộ lao động, mũi khoan các loại,dùng cho sản xuất ở phân xưởng thì hạch toán vào chi phí sản xuất chung.

Kế toán sử dụng TK 6273: “Chi phí dụng cụ sản xuất” để phản ánh các khoản chi phí về dụng cụ sản xuất, tài khoản này mở cho từng đơn đặt hàng.

Đối với đơn đặt hàng chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 – TK 627305

Tại công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương khi xuất dùng công cụ dụng cụ cho phân xưởng sản xuất thì toàn bộ giá trị của công cụ dụng cụ đó đều được tính vào chi phí sản xuất trong tháng để tính giá thành sản phẩm của tháng đó.

+ Nếu giá trị mua công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ thì ngay khi mua về không thông qua nhập kho mà xuất thẳng xuống phân xưởng sản xuất, phân bổ ngay cho chi phí sản xuất trong tháng.

+ Nếu công cụ dụng cụ mua về có giá trị tài sản lớn (Máy hàn, máy mài...) thì được thông qua nhập kho và tiến hành phân bổ bỏ thời gian sử dụng làm nhiều kỳ hoạch toán để tính giá thành sản phẩm.

Biểu số 2.15: Bảng tính và phân bổ công cụ dụng cụ

Căn cứ vào các Hoá đơn giá trị gia tăng, Bảng tính và phân bổ công cụ dụng cụ kế toán tiến hành nhập số liệu vào Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 627, Sổ chi tiết TK 627.

Công ty TNHH SXKD Minh Phụng
Số 68- Kiến Thiết- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 12 năm 2010

S T T	Tên CCDC	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Nguyên giá	Thời gian sử dụng	Mức phân bổ từng	Lũy kế phân bổ	Lũy kế phân bổ	Phân bổ cho các đơn vị						Giá trị còn lại
										627301	...	627305	...	Cộng 627	642	
A. CCDC ĐẦU KỲ																
1	Máy phát điện	cái	3	2.720.000	8.160.000	60	136.000	3.944.000	4.080.000	45.333				136.000		4.080.000
2	Máy hàn	cái	7	1.550.000	10.850.000	28	387.500	10.462.500	10.850.000	55.357		110.714		387.500		-
3	Tủ lạnh	cái	1	4.600.000	4.600.000	60	76.667	766.667	843.334					76.667		3.756.666
4	Máy khoan KL	cái	2	1.995.000	3.990.000	8	498.750	2.493.750	2.992.500			249.375		498.750		997.500
5	Điện thoại di động	cái	1	7.000.000	7.000.000	36	194.444	4.083.324	4.277.768					194.444		2.722.232
6	Tay hàn Mig MB 36	bộ	2	1.200.000	2.400.000	9	266.667	1.600.000	1.866.667	266.667				266.667		533.333
7	Dụng cụ đo áp suất	cái	26	303.000	7.878.000	26	303.000	3.030.000	3.333.000	34.962		58.269		303.000		4.545.000
8	Ông dẫn hơi cao su	m	1.100	2.200	2.420.000	22	110.000	2.200.000	2.310.000	2300		5.000		110.000		110.000

CỘNG A					534.289.066	1.480	38.860.218	360.468.056	378.522.760					17.431.371	623.333	155.766.306
B. CCDC TẶNG																
1	Bình điện 12 V	bình	2	2.590.909	5.181.818	8	647.727									5.181.818
CỘNG B					5.181.818	8	647.727									5.181.818
C. CCDC GIẢM																
1	Tay hàn Mig MB25	bộ	2	900.000	1.800.000	6	300.000	1.800.000	1.800.000							
2	Thoát khí MB 36	cái	10	22.000	220.000	10	22.000	220.000	220.000							
3	Súng xiết ốc	cái	20	135.000	2.700.000	20	135.000	2.700.000	2.700.000							
CỘNG C					1.057.000		457.000	4.720.000	4.720.000							
D. CCDC CUỐI					534.750.884		39.050.945	355.748.056	373.802.760	1.786.946	...	2.011.584	...	17.431.371	623.333	160.948.124

Kế toán

Người lập biểu

- Đối với chi phí khấu hao tài sản cố định – TK 627405:

Mỗi loại tài sản cố định có một tính năng tính chất tác dụng khác nhau và được sử dụng trong các phân xưởng. Để phản ánh giá trị hao mòn TSCĐ trong quá trình sử dụng, kế toán sử dụng tài khoản 214.

- Tài sản cố định ở Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng bao gồm:

- + Tài sản cố định dùng cho sản xuất như các loại máy hàn, máy cắt, máy tiện, máy khoan từ tính, nhà xưởng....

- + Tài sản cố định dùng cho quản lý như các thiết bị văn phòng, nhà làm việc ...

Trong quá trình sản xuất và sử dụng, tài sản cố định bị hao mòn, phần giá trị hao mòn này được chuyển dần vào giá trị sản phẩm làm ra dưới hình thức trích khấu hao.

Để thuận tiện cho việc theo dõi khấu hao tài sản cố định, công ty đã sử dụng phương pháp tính khấu hao tài sản cố định theo đường thẳng (khấu hao đều), thời gian sử dụng đã được quy định theo thông tư của Bộ tài chính.

Hàng tháng, kế toán tài sản cố định tiến hành trích khấu hao tài sản cố định và phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí(TK 642, TK 627).

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \frac{\text{Nguyên giá tài sản cố định} \times \text{Tỷ lệ khấu hao bình quân}}{12 \text{ tháng}}$$

$$\text{Tỷ lệ khấu hao năm} = \frac{1}{\text{Số năm sử dụng}}$$

Nguyên tắc tính khấu hao cho các đối tượng liên quan tại Công ty là TSCĐ sử dụng cho phân xưởng nào thì tính chi phí khấu hao trực tiếp cho phân xưởng đó. Hàng tháng kế toán tính số tiền khấu hao toàn Công ty và tiến hành lập Bảng tổng hợp trích và phân bổ khấu hao cho các đối tượng sử dụng theo tháng. Căn cứ vào các loại TSCĐ thực tế sử dụng tại các phân xưởng sản xuất, kế toán tiến hành phân bổ chi phí khấu hao cho các phân xưởng sản xuất.

Mẫu số 2.16 : Bảng tổng hợp trích và phân bổ khấu hao tài sản cố định

CTY TNHH SXKD MINH PHƯỢNG

Số 68-Kiến Thiết-Sở Dầu-HB-HP

BẢNG TỔNG HỢP TRÍCH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Tên TSCĐ	Ngày mua	Nguyên giá	Thời gian KH (năm)	Hao mòn lũy kế đầu kỳ	Trích KH tháng này	Phân bổ cho các đơn vị					Giá trị còn lại
						627401	...	627405	...	642	
A. TSCĐ đầu kỳ											
Máy lốc tôn	24/7/03	174.309.781	4	171.586.186	2.723.591	2.723.591					
Máy cắt plasma	3/10/06	29.662.381	5	24.224.277	494.373	494.373					4.943.731
Máy tính Acer	12/4/08	10.700.000	3	9.213.887	297.222				297.222		1.188.890
Máy hàn MIG	20/6/07	54.829.714	5	37.466.976	913.829		913.829				16.448.909
Máy cắt	24/3/07	28.450.000	5	20.863.334	474.167		474.167				7.112.499
Máy điều hòa	7/6/09	18.300.000	5	5.185.000	305.000				305.000		12.810.000
...	
Cộng A		9.426.662.356		1.738.569.094	49.319.084	4.136.578		3.176.110		18.286.437	7.638.774.179
B. TSCĐ tăng trong kỳ											
Cộng B											
C. TSCĐ giảm trong kỳ											
Cộng C											
D. TSCĐ cuối kỳ =(A+B-C)		9.426.662.356		1.738.569.094	49.319.084	4.136.578		3.176.110		18.286.437	7.638.774.179

Người lập

Kế toán trưởng

- Đối với các chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài là các khoản chi phí như tiền điện, điện thoại, nước, vệ sinh môi trường... Các chi phí dịch vụ mua ngoài: căn cứ vào hóa đơn thanh toán tiền, kế toán hạch toán chi phí này theo nguyên tắc: chi phí phát sinh cho đơn đặt hàng nào thì hạch toán thẳng vào chi phí của đơn đặt hàng đó. Căn cứ vào kết quả tổng hợp, kế toán tổng hợp ghi vào bảng phân bổ chi phí bằng tiền khác và chi phí dịch vụ mua ngoài.

+ Chi phí khác bằng tiền khác là các khoản chi phí phát trong quá trình sản xuất, được chi trực tiếp bằng tiền mặt. Loại chi phí này phát sinh trực tiếp cho từng đơn đặt hàng. Hàng ngày, chi phí phát sinh cho đơn đặt hàng nào thì được hạch toán vào chi phí của đơn đặt hàng đó. Cuối tháng, kế toán tính được tổng chi phí bằng tiền khác và ghi vào bảng phân bổ chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

+ Chứng từ chủ yếu được sử dụng để hạch toán các khoản chi phí này là Hoá đơn, Phiếu chi..

Mẫu số 2.17:

Bảng phân bổ chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác

Tháng 12/2010

Tên loại chi phí	Tổng	Chi tiết theo đơn đặt hàng			
		Chế tạo ống bích tăng cứng	Chế tạo thùng chứa ben, ống casing	Chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700	...
1. Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.150.000	18.150.000	15.457.000	19.265.000	
2. Chi phí bằng tiền khác	66.804.800	10.304.400	9.867.000	12.113.000	
Tổng	124.954.800	28.454.400	25.324.000	31.378.000	

Xác định xong các chi phí sản xuất chung, kế toán lập bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung. Số liệu trên bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung là căn cứ để vào sổ chi tiết chi phí sản xuất cho từng đơn đặt hàng.

Mẫu số 2.18: BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Đơn đặt hàng: *Chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700*

Tháng 12/2010

Loại chi phí	Số tiền
1. Nhân viên phân xưởng	4.276.044
2. Công cụ, dụng cụ	2.011.584
3. Khấu hao tài sản cố định	3.176.110
4. Dịch vụ mua ngoài	19.265.000
5. Bằng tiền khác	12.113.000
Cộng	40.841.738

Căn cứ vào các chứng từ trên, hàng ngày kê toán vào Sổ Nhật ký chung.

Mẫu số 2.19: Trích Sổ nhật ký chung

Ngày ghi sổ		Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cả	STT dòng	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
Tháng	Ngày	Số	Ngày					Nợ	Có
<p>SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2010 Đơn vị tính: VND</p>									
734	31/12/2010	BL15/12	31/12/2010	HT lương, ăn ca NV QLPX ĐĐH chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 T12/2010	X	801	627105	3.563.370	
735					X	802	334		3.563.370
736	31/12/2010	BTH 02/12	31/12/2010	Khấu hao tài sản cố định ĐĐH chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 T12/2010	X	803	627405	3.176.110	
737					X	804	214		3.176.110
758	31/12/2010	SCT12/12	31/12/2010	Phân bổ công cụ dụng cụ ĐĐH chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 T12/2010	X	825	627305	2.011.584	
759					X	826	242		2.011.584
792	31/12/2010	BPB 05/12	31/12/2010	Phân bổ chi phí dịch vụ mua ngoài ĐĐH chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 T12/2010	X	859	627705	19.265.000	
793					X	860	111		19.265.000
794	31/12/2010	BPB 05/12	31/12/2010	Phân bổ chi phí bằng tiền khác ĐĐH chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 T12/2010	X	861	627805	12.113.000	
795					X	862	111		12.113.000

Từ Nhật ký chung máy sẽ tự nhảy số liệu vào Sổ cái Tài khoản 627 dựa vào các công thức Excel.

Mẫu số 2.20: Trích Sổ cái TK 627

Công ty TNHH SXKD Minh Phương				Ban hành theo quyết định số 15/2006QĐ- BTC				
Số 68- Kiên Thiết- Sờ Dâu- Hồng Bàng- Hải Phòng				Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC				
Mã số thuế: 0200459834				SỔ CÁI				
Tháng 12 năm 2010								
Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung				Số hiệu: 627				
Ngày tháng cập nhật	Chứng từ		Diễn giải	NK CHUNG		TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày		Trang số	STT đơn		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
SỐ DƯ ĐẦU KỲ								
31/12/2010	BL15/12	31/12/2010	HT lương, ăn ca NV QLPX ĐĐH chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 T12/2	73	801	334	3.563.370	
31/12/2010	BTH 02/12	31/12/2010	Khấu hao tài sản cố định ĐĐH chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 T12/20	75	825	214	3.176.110	
31/12/2010	SCT12/12	31/12/2010	Phân bổ công cụ dụng cụ ĐĐH chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 T12/20	79	859	242	2.011.584	
31/12/2010	BPB 05/12	31/12/2010	Phân bổ chi phí dịch vụ mua ngoài ĐĐH chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 T12/20	79	861	111	19.265.000	
31/12/2010	BPB 05/12	31/12/2010	Phân bổ chi phí bằng tiền khác ĐĐH chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 T12/20	79	863	111	12.113.000	
31/12/2010	KC11/12	31/12/2010	KC CP SXC ĐĐH chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 sang TK 154	92	1012	15405		40.841.738
CÔNG PHÁT SINH							177.137.021	177.137.021
SỐ DƯ CUỐI KỲ								
Ngày 31 tháng 12 năm 2010								

2.2.4.4. Kế toán chi phí sản xuất toàn công ty

Để tập hợp chi phí sản xuất phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm, kế toán sử dụng TK 154: “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

Cuối kỳ kế toán tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất của toàn công ty đã tập hợp theo từng khoản mục để tính giá thành sản phẩm hoàn thành nhập kho.

Tập hợp chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ tại công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến quá trình sản xuất và kinh doanh theo công thức:

$$\text{Chi phí phát sinh trong kỳ} = \text{Chi phí NVL TT} + \text{Chi phí NC TT} + \text{Chi phí SXC}$$

Tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm: Các loại chi phí trên đều được tập hợp vào bên nợ tài khoản 154.

Cụ thể: Cuối kỳ tính giá sau khi đã tập hợp được các chứng từ liên quan, kế toán tập hợp TK 621, TK 622, TK 627 kết chuyển sang TK 154.

Đối với đơn đặt hàng chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700, căn cứ vào các Bảng kê, Sổ chi tiết, Bảng phân bổ..., kế toán hạch toán:

Nợ TK15405 : 556.981.268

Có TK 62105 : 470.395.050

Có TK 62205 : 45.744.480

Có TK 62705 : 40.841.738

2.2.4.5. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Sản phẩm dở dang là những sản phẩm chưa kết thúc giai đoạn chế biến, còn đang nằm trong quá trình sản xuất.

Để tính được giá thành sản phẩm thông thường các doanh nghiệp phải đánh giá sản phẩm dở dang. Tuy nhiên do đặc điểm của công ty nên công ty đã xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành là theo đơn đặt hàng. Vì vậy, tổng chi phí sản xuất đã tập hợp theo từng đơn đặt hàng chưa hoàn thành cũng chính là chi phí sản xuất dở dang của đơn đặt hàng đó.

Theo ví dụ trên, do đơn đặt hàng chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 công ty xuất nguyên vật liệu theo định mức sản xuất phù hợp với đơn đặt hàng cho nên không có sản phẩm dở dang cuối kỳ, tất cả chi phí sản xuất được kết chuyển hết trong kỳ.

2.2.4.6. Phương pháp tính giá thành tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương

Do đặc điểm quy trình sản xuất, đặc điểm sản phẩm sản xuất và để phù hợp với đối tượng tập hợp chi phí - đối tượng tính giá thành, công ty đã áp dụng phương pháp tính giá thành theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ để tính giá thành cho sản phẩm hoàn thành.

Cụ thể, khi sản phẩm hoàn thành căn cứ vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh và các sổ kế toán liên quan, kế toán thực hiện tính giá thành cho từng đơn đặt hàng hoàn thành như sau:

- Kỳ tính giá thành phù hợp với kỳ báo cáo thì toàn bộ chi phí sản xuất tập hợp được trong kỳ chính là giá thành thực tế của sản phẩm hay của đơn đặt hàng hoàn thành.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế của} \\ \text{từng đơn đặt hàng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí sản xuất tập hợp được} \\ \text{trong kỳ của từng đơn đặt hàng} \end{array}$$

- Kỳ tính giá thành không phù hợp với kỳ báo cáo (tháng, quý, năm) thì giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó được xác định theo công thức :

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực} \\ \text{tế đơn đặt hàng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá sản phẩm dở} \\ \text{dang đầu kỳ của đơn} \\ \text{đặt hàng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí phát sinh} \\ \text{trong kỳ của đơn} \\ \text{đặt hàng} \end{array}$$

2.2.4.7. Trình tự tính giá thành sản phẩm

Để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành các đơn đặt hàng, kế toán công ty sử dụng TK154, mở chi tiết cho từng đơn đặt hàng. Cuối kỳ, kế toán kết

chuyên chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung vào bên Nợ TK154.

Khi đơn đặt hàng hoàn thành, kế toán căn cứ vào các sổ chi tiết, các bảng tổng hợp, bảng phân bổ,... và các công thức trong Excel để lập Thẻ tính giá thành đơn đặt hàng hoàn thành.

Mẫu số 2.21: THẺ TÍNH GIÁ THÀNH THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

Tên đơn đặt hàng: Chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Chi phí NVLTT	Chi phí NCTT	Chi phí SXC
1. Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	0	0	0	0
2. Chi phí sản xuất trong kỳ	556.981.268	470.395.050	45.744.480	40.841.738
3. Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ	0	0	0	0
CỘNG GIÁ THÀNH SẢN PHẨM	556.981.268	470.395.050	45.744.480	40.841.738

Người ghi sổ
(Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng
(Đã ký)

Sau khi tập hợp chi phí sang TK154, kế toán chi phí - giá thành tiến hành tính giá thành sản phẩm, Công ty sử dụng TK632 để xác định trị giá vốn của đơn đặt hàng hoàn thành.

Cuối tháng, kế toán lấy số liệu trên các Thẻ tính giá thành và các Sổ chi tiết tiến hành lọc để vào Sổ nhật ký chung và Sổ cái TK154.

Mẫu số 2.22: Trích Sổ nhật ký chung

Microsoft Excel - Minh phuong.xls									
SỔ NHẬT KÝ CHUNG									
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC									
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC									
Mã số thuế: 0200459834									
SỔ NHẬT KÝ CHUNG									
<i>Năm 2010</i>									
<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>									
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh		
	Số	Ngày					Nợ	Có	
1015	31/12/2010	KC09/12	31/12/2010	Kết chuyển CP NVL TT ĐĐH chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 sang TK 154	X	1007	15405	470.395.050	
1016					X	1008	62105		470.395.050
1017	31/12/2010	KC10/12	31/12/2010	Kết chuyển CP NC TT ĐĐH chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 sang TK 154	X	1009	15405	45.744.480	
1018					X	1010	62205		45.744.480
1019	31/12/2010	KC11/12	31/12/2010	Kết chuyển CP SXC ĐĐH chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 sang TK 154	X	1011	15405	40.841.738	
1020					X	1012	62705		40.841.738
1033	31/12/2010	KC12/12	31/12/2010	HTGV ĐĐH: Chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700	X	1013	63205	556.981.248	
1034					X	1014	15405		556.981.248
1035	31/12/2010	KC13/12	31/12/2010	HTGV ĐĐH: Chế tạo ống, bích, tăng cứng	X	1015	63204	134.634.040	
1036					X	1016	15404		134.634.040
1037	31/12/2010	KC14/12	31/12/2010	HTGV ĐĐH: Chế tạo thùng chứa ben, ống casing	X	1017	63206	294.850.897	

Từ Nhật ký chung máy sẽ tự nhảy số liệu vào Sổ cái Tài khoản 154 dựa vào các công thức Excel.

Mẫu số 2.23: Trích Sổ cái TK 154

Công ty TNHH SXKD Minh Phương				Ban hành theo quyết định số 15/2006QĐ- BTC				
Số 68- Kiên Thiết- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng				Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC				
Mã số thuế: 0200459834				SỔ CÁI				
				Tháng 12 năm 2010				
Tên tài khoản: Chi phí SXKD dở dang								
Số hiệu:				154				
Ngày tháng cập	Chứng từ		Diễn giải	NK CHUNG		TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày		Trang số	STT đơn		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
<u>SỐ DƯ ĐẦU KỲ</u>								
31/12/2010	KC09/12	31/12/2010	KC chi phí NVL TT ĐĐH chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 sang TK 154	92	1007	62105	470.395.050	-
31/12/2010	KC10/12	31/12/2010	KC chi phí NC TT ĐĐH chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 sang TK 154	92	1009	62205	45.744.480	
31/12/2010	KC11/12	31/12/2010	KC CP SXC ĐĐH chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700 sang TK 154	92	1011	62705	40.841.738	
31/12/2010	KC12/12	31/12/2010	HTGV CT: Chế tạo lô, giá đỡ, tấm văng lô F3700	93	1014	63205		556.981.248
31/12/2010	KC13/12	31/12/2010	HTGV CT: Chế tạo ống, bích, tăng cứng	93	1016	63204		134.634.040
<u>CỘNG PHÁT SINH</u>							21.195.315.339	22.073.426.844
<u>SỐ DƯ CUỐI KỲ</u>							447.227.466	-
- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...								
- Ngày mở sổ:								
							Ngày 31 tháng 12 năm 2010	

2.3 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH MINH PHƯỢNG

2.3.1. *Những kết quả đạt được*

2.3.1.1 *Về công tác quản lý*

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng, em nhận thấy cùng với sự chuyển đổi của nền kinh tế thì hoạt động của công ty cũng đã có sự biến đổi để thích ứng. Là một doanh nghiệp tư nhân hoạt động theo cơ chế thị trường công ty đã gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, cùng với sự năng động của bộ máy quản lý và sự nỗ lực cố gắng của tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty. Đến nay, công ty đã dần khắc phục được những khó khăn, từng bước đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Các phòng ban chức năng của công ty được tổ chức sắp xếp lại một cách hợp lý, phù hợp với quy mô hoạt động của công ty và nhằm mục đích phục vụ tốt cho công tác sản xuất kinh doanh.

Song song với đó, bộ máy kế toán với chức năng thực hiện công tác tài chính- kế toán cho công ty cũng đã không ngừng biến đổi cả về cơ cấu lẫn phương pháp làm việc.

Qua quá trình tìm hiểu thực tế cho thấy. Bộ máy quản lý của công ty đã xây dựng được một mô hình quản lý khoa học hợp lý và hiệu quả, tạo thành một mạch hệ thống, thống nhất từ công ty xuống cơ sở, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường và đặc thù sản xuất kinh doanh của công ty.

Với bộ máy gọn nhẹ, các phòng ban chức năng đủ đáp ứng nhu cầu chỉ đạo và kiểm tra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đảm bảo quản lý và hạch toán các yếu tố chi phí của quá trình sản xuất một cách tiết kiệm và hiệu quả. Cụ thể công ty quản lý lao động có trọng tâm, luôn động viên khuyến khích lao động có tay nghề.

2.3.1.2. *Về công tác hạch toán kế toán*

Phòng kế toán của công ty, được bố trí một cách gọn nhẹ và đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt tình trung thực, am hiểu các quy định của Nhà

nước về chế độ tài chính kế toán. Với đội ngũ này phòng kế toán của công ty đã xử lý các nghiệp vụ linh hoạt, nhanh chóng và hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời chính xác cho quá trình ra quyết định của ban giám đốc. Cách thức ghi chép và phương pháp hạch toán một cách khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu, mục đích của chế độ kế toán mới, tổ chức các phần hành một cách khoa học rõ ràng giảm bớt khối lượng ghi sổ kế. Bên cạnh đó phòng kế toán - tài chính là nơi tham mưu cho ban giám đốc trong việc đề ra phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý chi phí ở từng đội sản xuất giúp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn công ty.

Trình tự lập và luân chuyển, kiểm tra chứng từ đảm bảo tính hợp pháp hợp lệ, hợp lý của chứng từ, phù hợp với quy mô, đặc điểm tổ chức, quản lý, cách thức hạch toán tại công ty. Đồng thời giúp ban giám đốc theo dõi sát sao mọi hoạt động diễn biến của công ty. Tổ chức bảo quản, quản lý lưu trữ và hủy chứng từ cũng được thực hiện cẩn thận, an toàn đúng quy định về thời gian.

2.3.1.3. Về hình thức kế toán

Hình thức ghi sổ kế toán theo Nhật ký chung công ty đang sử dụng phù hợp với quy mô, khối lượng công việc và trình độ của nhân viên kế toán. Từ đó điều kiện phân công, chuyên môn hóa công việc đối với lao động kế toán ở công ty thuận tiện, kiểm tra và xử lý thông tin kịp thời chính xác.

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty được lập khá đầy đủ và nộp báo cáo đúng thời hạn, niên độ hiện hành quy định.

2.3.1.4. Về tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Đối tượng tập hợp chi phí được xác định rõ ràng là các đơn đặt hàng, tạo điều kiện cho việc quản lý sản xuất và đánh giá hiệu quả sản xuất được chi tiết. Những chi phí liên quan đến đơn đặt hàng nào thì tính trực tiếp cho đơn đặt hàng đó, còn những chi phí liên quan đến nhiều đơn đặt hàng thì tập hợp và phân bổ theo tiêu thức thích hợp. Đây là vấn đề quan trọng trong cả lý luận cũng như trong thực tiễn của hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Công ty xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm là các đơn đặt hàng hoàn thành bàn giao theo phương pháp trực tiếp. Điều này là hợp lý vì theo

phương pháp này, chi phí sản xuất và tính giá thành của đơn đặt hàng hoàn thành là kế toán có thể tính ngay được giá thành, không phải đợi đến cuối kỳ hạch toán.

2.3.1.5. Hệ thống tài khoản sử dụng

Hệ thống tài khoản mà công ty đang áp dụng hiện nay tương đối đầy đủ, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đúng chế độ chế độ chứng từ kế toán theo QĐ 15/2006- BTC. Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán sẽ phản ánh vào các tài khoản liên quan theo danh mục tài khoản của Bộ tài chính. Việc tập hợp chi phí sản xuất kế toán Công ty đã sử dụng các tài khoản riêng cho từng đơn đặt hàng, làm cho quá trình tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của từng đơn đặt hàng được dễ dàng hơn.

2.3.1.6. Về tổ chức hệ thống sổ sách kế toán

Công ty mở hệ thống sổ sách kế toán để theo dõi nghiệp vụ tính giá thành khá đầy đủ và chi tiết theo hướng dẫn của QĐ 15/2006 - Bộ tài chính. Các loại sổ này lại được mở chi tiết giúp kế toán có thể theo dõi nghiệp vụ liên quan đến giá thành một cách dễ dàng, đơn giản và hạn chế được nhầm lẫn.

Trên đây là những đặc điểm nổi bật mà công ty đã làm được trong quản lý, tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng không tránh khỏi những khó khăn tồn tại cần phải hoàn thiện.

2.3.2 Những tồn tại hạn chế

2.3.2.1 Về chính sách, chứng từ kế toán

❖ Công tác tổ chức luân chuyển chứng từ

Hiện nay các chứng từ trong công ty được sử dụng một cách đồng nhất theo quy định hiện hành. Tuy nhiên về mặt thời gian, do đặc tính của ngành nên việc chuyển các chứng từ về phòng kế toán chưa kịp thời, điều này ảnh hưởng việc nhập dữ liệu vào sổ Nhật ký chung không đúng với tính chất là "Ghi sổ hằng ngày khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh".

Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng mà công ty đang sử dụng là phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất và đặc điểm sản phẩm của công ty. Tuy

nhien, do công ty dựa trên định mức của từng chi tiết, sản phẩm để cấp vật liệu hoặc cấp tiền cho các phân xưởng, các phân xưởng sau khi hoàn thành chi tiết, sản phẩm đó sẽ chuyển toàn bộ các chứng từ về phòng kế toán nhưng đó là số liệu tổng hợp.

Kế toán công ty dựa trên định mức phí để phân bổ chi phí sản xuất theo từng khoản mục chi phí. Điều này làm cho công việc của kế toán chi phí- giá thành ở công ty vào cuối kỳ quá nhiều và dồn dập.

Mặt khác, có những chi phí sản xuất ở công ty có thể tập hợp trực tiếp cho từng đơn đặt hàng nhưng do ở các phân xưởng không tập hợp để đưa lên nên kế toán chi phí - giá thành ở công ty phải phân bổ cũng làm giảm tính chính xác của các khoản mục chi phí.

❖ Phương pháp tính giá xuất nguyên vật liệu

Hiện nay, việc tính giá vật liệu xuất kho được tính theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ. Cách tính này tuy đơn giản nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán bị dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

❖ Chi phí nhân công trực tiếp

Kế toán Công ty không tính trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất mà hàng tháng tính luôn vào tiền lương phải trả cho công nhân, đồng thời cũng xuất quỹ tiền lương phải trả cho công nhân cho quản đốc phân xưởng giữ. Như vậy, Công ty đã để lãng phí một khoản tiền nhàn dỗi, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp.

2.3.2.2. Về tài khoản sử dụng

Đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cơ khí, chế tạo và lắp đặt phi tiêu chuẩn các thiết bị chủ yếu cho cơ giới hóa và cơ sở hạ tầng thì hoạt động cơ khí, chế tạo là chủ yếu nhưng bên cạnh đó công ty còn có các hoạt động khác như: gia công, lắp đặt điện, nước và trang trí nội thất ... Công ty chưa mở chi tiết tài khoản 154 – chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để tách biệt chi phí sản xuất và giá thành của từng loại hình sản phẩm, dịch vụ trong đơn vị.

2.3.2.3. Việc vận dụng hệ thống sổ sách kế toán trong doanh nghiệp

Hệ thống sổ sách kế toán có vị trí rất quan trọng trong tổ chức công tác kế toán tại mỗi doanh nghiệp. Hệ thống sổ sách kế toán thể hiện mức độ chặt chẽ, hiệu quả của công tác kế toán. Sổ sách kế toán tổng hợp của doanh nghiệp bao gồm sổ nhật ký chung, nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền, và sổ cái các tài khoản có liên quan. Các nghiệp vụ kế toán phát sinh hàng ngày đều được phản ánh vào trong sổ kế toán tổng hợp.

Tuy nhiên hệ thống sổ sách kế toán mà doanh nghiệp sử dụng cũng chưa thật sự đầy đủ, chưa đáp ứng được nhu cầu cung cấp thông tin một cách chi tiết, đầy đủ. Do đó, việc quản lý tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chưa thực sự chặt chẽ, và hiệu quả của công tác kế toán chưa cao.

2.3.2.4. Ứng dụng tin học trong công tác kế toán

Hiện nay, công ty chưa sử dụng một phần mềm kế toán nào mà chỉ mới sử dụng các công thức, các lệnh sẵn có trong Excel như Vlookup, Sort, Auto filter, Advanced filter, Consolidate, Pivot Table, Subtotal... để xử lý số liệu và lên các sổ kế toán chi tiết, các sổ kế toán tổng hợp và các báo cáo tài chính. Cách làm này rất mất thời gian và không đồng bộ.

2.3.2.5 Vấn đề hạch toán nghiệp vụ phế liệu thu hồi

Xuất phát từ thực trạng tại công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng khi sản xuất có rất nhiều phế liệu thu hồi (chủ yếu là thép phế) nhưng phế liệu này công ty không xuất bán ngay mà vài tháng sau, có khi năm sau mới xuất bán (vì không dọn được xưởng do bận việc), công ty không ghi giảm giá thành sản phẩm. Đây có thể coi là một thiếu sót trong quản lý chi phí của công ty. Bởi lẽ, là một doanh nghiệp sản xuất, chế tạo chủ yếu là thủ công như gò, hàn,... thì hiện tượng có phát sinh phế liệu trong quá trình sản xuất là không thể tránh khỏi.

Nếu công ty tận thu được khoản phế liệu này sẽ là một nhân tố làm giảm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tính vào giá thành sản phẩm, góp phần hạ giá thành sản phẩm sản xuất. Phế liệu của công ty tại các phân xưởng sản xuất chủ yếu bao gồm: thép phế liệu, sắt mẫu, tôn..., khoản thu hồi này sẽ làm giảm chi phí.

Chương 3:**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH MINH PHƯỢNG****3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH MINH PHƯỢNG**

Mục tiêu hàng đầu của bất cứ Doanh nghiệp sản xuất nào cũng là lợi nhuận, mà muốn thu được lợi nhuận cao thì có rất nhiều cách nhưng con đường cơ bản lâu dài là phải hạ thấp giá thành sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm. Muốn hạ thấp giá thành sản phẩm thì Doanh nghiệp phải hạ thấp chi phí tức là sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, sử dụng tối đa công suất máy móc thiết bị và không ngừng nâng cao năng suất lao động.

Trong cơ chế thị trường hiện nay mở ra nhiều cơ hội cho các Doanh nghiệp nhưng cũng đặt ra không ít đòi hỏi Doanh nghiệp phải tự điều chỉnh để thích nghi với môi trường đầy cạnh tranh khốc liệt và biến động. Điều đó đòi hỏi Doanh nghiệp cần phải nỗ lực hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Sự tồn tại và phát triển của Doanh nghiệp phụ thuộc vào việc Doanh nghiệp có bù đắp được chi phí bỏ ra trong quá trình sản xuất kinh doanh hay không làm cho Doanh nghiệp kinh doanh có lãi.

Chi phí và giá thành là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng của Doanh nghiệp có liên quan chặt chẽ với nhau. Việc tính đúng, tính đủ chi phí, xác định giá thành sản phẩm có ý nghĩa vô cùng to lớn giúp các nhà quản trị Doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất với chi phí thấp nhất.

Tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành luôn cần được xem xét và đổi mới để phù hợp với điều kiện của Công ty, tìm ra những phương pháp mới hiệu

quả hơn đối với việc xây dựng công cụ tính giá thành đảm bảo mục tiêu tiết kiệm được chi phí, hạ thấp giá thành sản phẩm.

Chính vì lẽ đó mà việc hoàn thiện công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trở nên cần thiết và quan trọng để phù hợp với điều kiện nền kinh tế và xu hướng toàn ngành. Hơn nữa, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành là chung cho các doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực nên công ty phải lựa chọn những mảng phù hợp với điều kiện, đặc điểm của công ty mình để vận dụng cho phù hợp. Từ đó cũng đặt ra vấn đề phải hoàn thiện công tác kế toán cho phù hợp với yêu cầu quản lý doanh nghiệp.

Xuất phát từ yêu cầu nói trên, đòi hỏi công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương phải không ngừng từng bước hoàn thiện. Song việc hoàn thiện đó phải đảm bảo theo một số **nguyên tắc** sau:

- Hoàn thiện chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phải đảm bảo đúng với Luật kế toán, không vi phạm các nguyên tắc chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Hoàn thiện chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phải đảm bảo cung cấp thông tin, số liệu kịp thời, chính xác, đầy đủ và phục vụ cho công tác ra quyết định điều hành quản lý của Công ty.

- Hoàn thiện chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải đảm bảo bộ máy kế toán gọn nhẹ, phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý, sản xuất đặc thù của công ty. Khi tổ chức bộ máy kế toán phải dựa trên các chế độ, thể lệ về quản lý hành chính và công tác kế toán, lựa chọn hình thức kế toán phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất của công ty, đồng thời phải chú ý đến vấn đề trang thiết bị, phương tiện tính toán hiện đại.

- Hoàn thiện chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty. Các biện pháp hoàn thiện phải có tính khả thi phù hợp với sự phát triển trong tương lai.

- Hoàn thiện chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải không ảnh hưởng đến quyền lợi của Doanh nghiệp và của người lao động.

3.2. NỘI DUNG HOÀN THIỆN

Qua quá trình tìm hiểu thực tế công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương, em nhận thấy nhìn chung công tác này đã được thực hiện có nề nếp, đảm bảo tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với điều kiện sản xuất cụ thể của công ty, đồng thời đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý.

Tuy nhiên, trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm còn có những điểm chưa thật hợp lý mà theo em nếu khắc phục được sẽ giúp cho công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn.

Với mong muốn góp phần hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương, em xin mạnh dạn đề xuất một số ý kiến sau:

3.2.1 Về chính sách, chứng từ kế toán

3.2.1.1 Hoàn thiện phương pháp tính giá xuất nguyên vật liệu

Hiện nay, việc tính giá vật liệu xuất kho được tính theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ. Cách tính này tuy đơn giản nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán bị dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

Do đó, công ty nên áp dụng phương pháp đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập. Phương pháp này tuy phải tính nhiều lần nhưng độ chính xác lại cao.

Theo phương pháp này, đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập được tính theo công thức:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng nguyên vật liệu tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Ngoài ra, về việc hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vượt trên định mức. Công ty tổ chức sản xuất theo định mức chi phí từng loại nguyên vật liệu trực tiếp cho từng loại sản phẩm. Tuy nhiên trong thực tế sản xuất, hầu như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp luôn có sự chênh lệch so với định mức.

Nếu chênh lệch do chi phí thực tế ít hơn so với định mức tức là Công ty đã tiết kiệm được một phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, hạ giá thành sản phẩm và tăng lợi nhuận kế toán.

Ngược lại nếu chênh lệch do chi phí thực tế phát sinh lớn hơn định mức lại làm cho giá thành sản phẩm tăng lên. Để đảm bảo cho giá thành sản phẩm không tăng so với định mức, Công ty nên tách riêng phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vượt quá định mức ra khỏi phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tính vào giá thành sản phẩm.

3.2.1.2. Hoàn thiện chi phí nhân công trực tiếp

Kế toán Công ty không tính trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất mà hàng tháng tính luôn vào tiền lương phải trả cho công nhân, đồng thời cũng xuất quỹ tiền lương phải trả cho công nhân cho quản đốc phân xưởng giữ. Như vậy, Công ty đã để lãng phí một khoản tiền nhàn dỗi, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp.

Để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa chi phí sản xuất và kết quả sản xuất, cũng như sự phân bổ chi phí đều giữa các tháng, tránh gây hiện tượng giá thành thay đổi đột biến khi số lượng lao động trực tiếp nghỉ phép nhiều ở một kỳ. Nên chăng, kế toán Công ty thực hiện trích tiền lương nghỉ phép của nhân công hàng tháng vào chi phí nhân công trực tiếp theo một tỷ lệ nhất định trên tổng tiền lương đảm bảo giữ một tỷ lệ ổn định về chi phí trong giá thành, khi có phát sinh thực tế mới thực hiện xuất quỹ tiền mặt để trả cho công nhân.

Như vậy, giá thành sản xuất sản phẩm trong kỳ sẽ không phải gánh chịu một khoản chi phí thường xuyên biến động.

Việc trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất được thực hiện như sau:

$$\text{Tỷ lệ trích trước} = \frac{\sum \text{tiền lương nghỉ phép của CNTTSX phải trả theo kế hoạch}}{\sum \text{tiền lương chính phải trả cho CNSX trong năm kế hoạch}}$$

Mức trích trước	Tiền lương cơ bản	Tỷ lệ
tiền lương nghỉ	= thực tế phải trả cho	x trích
phép	CNV trong tháng	trước

+ Căn cứ vào kết quả tính toán số tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất trích trước hàng tháng theo kế hoạch, định khoản: Nợ TK 622

Có TK335

+ Trích lương nghỉ phép thực tế phải trả cho công nhân: Nợ TK 335

Có TK 334

+ Thanh toán lương nghỉ phép cho công nhân: Nợ TK 335

Có TK 111

Cuối năm, Kế toán tiến hành quyết toán giữa số trích trước và số thực tế phát sinh.

- Nếu số thực tế < Số đã trích: Nợ TK 335

Có TK 622

- Nếu số thực tế > Số đã trích: Nợ TK 622

Có TK335

3.2.1.3. Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ kế toán

Việc giao nộp chứng từ kế toán ảnh hưởng tới việc xác định kết quả kinh doanh, ảnh hưởng tới việc ra các quyết định kinh doanh. Trong thời gian tới Công ty nên nâng cao trình độ cho các nhân viên kế toán Công ty đặc biệt là tổ sản xuất.

Các nhân viên kế toán ở các bộ phận này là đối tượng đầu tiên tiếp nhận các nghiệp vụ kinh tế. Nếu như họ không hiểu toàn bộ bản chất của các nghiệp vụ thì sẽ không thể tìm ra được phương hướng tổ chức kế toán thích hợp.

Công ty nên đẩy mạnh việc mở rộng các lớp tập huấn cho các cán bộ kế toán, đẩy mạnh phong trào thi đua trong công việc. Đặc biệt trong cuộc họp ở phạm vi toàn Công ty, ban giám đốc nên có những chỉ đạo đến từng phòng, ban, tổ, đội sản xuất về tầm quan trọng của công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán luân chuyển chứng từ. Quy định rõ thời gian luân chuyển chứng từ cho từng phòng ban.

3.2.2. Về tài khoản sử dụng

Đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cơ khí, chế tạo và lắp đặt phi tiêu chuẩn các thiết bị chủ yếu cho cơ giới hóa và cơ sở hạ tầng thì hoạt động cơ khí, chế tạo là chủ yếu nhưng bên cạnh đó công ty còn có các hoạt động

khác như: gia công, lắp đặt điện, nước và trang trí nội thất ... Do đó, công ty nên mở chi tiết tài khoản 154 – chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để tách biệt chi phí sản xuất và giá thành của từng loại hình sản phẩm, dịch vụ trong đơn vị. Các tài khoản chi tiết cấp 2 của TK 154 bao gồm:

TK 1541: Cơ khí, chế tạo

TK 1542: Sản phẩm khác

TK 1543: Dịch vụ

TK 1544: Chi phí bảo hành sản phẩm

3.2.3. Việc vận dụng hệ thống sổ sách kế toán trong doanh nghiệp

Hệ thống sổ sách kế toán có vị trí rất quan trọng trong tổ chức công tác kế toán tại mỗi doanh nghiệp. Hệ thống sổ sách kế toán thể hiện mức độ chặt chẽ, hiệu quả của công tác kế toán. Sổ sách kế toán của doanh nghiệp được tổ chức tốt thì công tác kế toán mới có hiệu quả. Để tổ chức hệ thống sổ sách kế toán có hiệu quả thì việc lựa chọn hình thức sổ kế toán phù hợp là rất quan trọng. Và việc tổ chức ghi sổ sách kế toán phải được tổ chức một cách đầy đủ, chặt chẽ, đảm bảo tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh vào các sổ sách kế toán có liên quan.

Tại Công ty, kế toán áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung và có sử dụng các nhật ký đặc biệt. Kế toán của doanh nghiệp cũng đã tổ chức ghi chép sổ sách kế toán tổng hợp và hệ thống sổ sách kế toán chi tiết một cách tốt nhất.

Sổ sách kế toán tổng hợp của doanh nghiệp bao gồm sổ nhật ký chung, nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền, và sổ cái các tài khoản có liên quan. Các nghiệp vụ kế toán phát sinh hàng ngày đều được phản ánh vào trong sổ kế toán tổng hợp.

Bên cạnh việc mở sổ kế toán tổng hợp thì việc mở các sổ kế toán chi tiết cũng hết sức quan trọng. Nó là căn cứ để theo dõi một cách chi tiết tình hình của doanh nghiệp. Kế toán tại Công ty cũng đã sử dụng một số sổ kế toán chi tiết cần thiết cho mình, nhằm quản lý tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách dễ dàng nhất. Tuy nhiên hệ thống sổ sách kế toán mà doanh

nghiệp sử dụng cũng chưa thật sự đầy đủ, chưa đáp ứng được nhu cầu cung cấp thông tin một cách chi tiết, đầy đủ. Do đó, việc quản lý tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chưa thực sự chặt chẽ, và hiệu quả của công tác kế toán chưa cao.

Công ty nên lập Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá cho từng loại vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu số 3.1- Phụ lục). Bên cạnh việc mở Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá, Công ty cũng cần mở Thẻ kho (Mẫu số 3.2- Phụ lục) theo từng loại vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá điều đó sẽ tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho kế toán trong việc theo dõi lượng hàng hoá nhập, xuất và tồn của từng loại mặt hàng.

Và tại Công ty do chưa lập Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá nên trong quá trình tổng hợp kế toán đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc đối chiếu số liệu, sổ sách. Vì vậy, công ty nên lập Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu số 3.3- Phụ lục).

3.2.4. Một số giải pháp khác

3.2.4.1. Ứng dụng tin học trong công tác kế toán

Hiện nay, công ty chưa sử dụng một phần mềm kế toán nào mà chỉ mới sử dụng các công thức, các lệnh sẵn có trong Excel như Vlookup, Sort, Auto filter, Advanced filter, Consolidate, Pivot Table, Subtotal... để xử lý số liệu và lên các sổ kế toán chi tiết, các sổ kế toán tổng hợp và các báo cáo tài chính. Cách làm này rất mất thời gian và không đồng bộ. Mặt khác, trong điều kiện khoa học về công nghệ thông tin ngày càng phát triển và để đáp ứng yêu cầu thông tin cho việc ra các quyết định quản lý, công ty nên cài đặt một phần mềm kế toán. Các giải pháp công ty có thể lựa chọn là: mua phần mềm của các công ty sản xuất phần mềm hoặc thuê chuyên gia đến thiết kế một phần mềm riêng dựa trên những đặc thù của công ty.

Tuy vậy, về cơ bản, các phần mềm kế toán được thiết kế phải đảm bảo sau khi nhập dữ liệu vào máy (chỉ phải nhập một lần), máy sẽ xử lý và cung cấp các thông tin chi tiết cho các sổ chi tiết, các thông tin tổng hợp cho các sổ tổng hợp cũng như việc lên các báo cáo kế toán theo yêu cầu của người sử dụng.

Công ty có thể lựa chọn một trong các phần mềm kế toán sau: Phần mềm kế toán FAST của công ty phần mềm tài chính, Phần mềm kế toán EFFECT của công ty BSC,... tùy theo đặc điểm của công ty.

3.2.4.2 Vấn đề hạch toán nghiệp vụ phế liệu thu hồi

Xuất phát từ thực trạng tại công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng khi sản xuất có rất nhiều phế liệu thu hồi (chủ yếu là thép phế) nhưng phế liệu này công ty không xuất bán ngay mà vài tháng sau, có khi năm sau mới xuất bán (vì không dọn được xưởng do bận việc). Công ty không ghi giảm giá thành sản phẩm mà khi xuất bán chỉ hạch toán: Nợ TK 138

Có TK 711

Đây có thể coi là một thiếu sót trong quản lý chi phí của công ty. Bởi lẽ, là một doanh nghiệp sản xuất, chế tạo chủ yếu là thủ công như gò, hàn,... thì hiện tượng có phát sinh phế liệu trong quá trình sản xuất là không thể tránh khỏi.

Nếu công ty tận thu được khoản phế liệu này sẽ là một nhân tố làm giảm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tính vào giá thành sản phẩm, góp phần hạ giá thành sản phẩm sản xuất. Phế liệu của công ty tại các phân xưởng sản xuất chủ yếu bao gồm: thép phế liệu, sắt mầu, tôn..., khoản thu hồi này sẽ làm giảm chi phí.

Khi đó, kế toán sẽ hạch toán như sau:

+ Nếu nhập kho phế liệu:

Nợ TK 152: Giá trị phế liệu thu hồi ước tính

Có TK 154: Ghi giảm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

+ Khi xuất bán phế liệu: Nợ TK 811/Có TK 152

Nợ TK 111,112/ Có TK 711

3.3. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN GIẢI PHÁP

Trên đây là những phương hướng hoàn thiện em đưa ra dựa trên quy chế của Bộ Tài chính ban hành và dựa trên đặc điểm tình hình cụ thể của Công ty .

Tuy nhiên để cho công tác hoàn thiện thực sự đem lại hiệu quả thì các cấp các bộ phận phải có những ý kiến đóng góp cho công tác kế toán thực sự hiệu quả.

3.3.1. Về phía Nhà nước

Nhà nước tiếp tục xây dựng luật, chuẩn mực và việc ban hành các thông tư hướng dẫn kế toán có xu hướng phù hợp với tiêu chuẩn chung của chuẩn mực Quốc tế. Với mục tiêu hội nhập cùng với toàn cầu hóa, theo em Nhà nước chỉ nên tạo ra khung pháp lý để các Doanh nghiệp tự tìm ra và áp dụng các phương pháp hạch toán phù hợp với từng đặc điểm của mình, đồng thời tối đa hóa khả năng sử dụng thông tin cho các đối tượng.

Hình thức hạch toán này giống như Nhà nước cung cấp một bộ xương kế toán để cho các Doanh nghiệp tùy theo đặc điểm, yêu cầu của mình mà phát triển kế toán thành một cơ thể sống.

3.3.2. Về phía Công ty

Công ty nên có các biện pháp kế toán sao cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh của đơn vị mình, cập nhật các chuẩn mực kế toán mới, các thông tư hướng dẫn và công tác kế toán, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán.

Bên cạnh công tác hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm thì cần phải có sự kết hợp chặt chẽ trong cơ cấu các bộ phận phòng ban, từ đó mọi thông tin về tình hình kinh doanh của Công ty mới được phản hồi, phục vụ cho công tác kế toán đạt hiệu quả.

3.3.3. Về phía cán bộ kế toán

Mỗi nhân viên kế toán phải thường xuyên nâng cao nghiệp vụ của mình. Khi cung cấp thông tin kế toán phải chính xác, trung thực, đúng với chế độ. Cần có những hướng giải quyết cho hợp lý và hiệu quả trong việc làm kế toán.

3.3.4. Về phía tổ chức nghề nghiệp

Cần phải hoạt động tích cực. hiệu quả hơn nữa.

KẾT LUẬN

Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh thì vấn đề tối đa hoá lợi nhuận là vấn đề mấu chốt và cuối cùng mà doanh nghiệp cần đạt tới. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức tất cả các khâu trong quá trình sản xuất kinh doanh với chi phí là tiết kiệm nhất. Nhưng để đạt được hiệu quả cao nhất trên cơ sở vật chất sẵn có, doanh nghiệp phải làm tốt công tác kế toán chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm, rồi tiến hành phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông qua nội dung này nhà quản lý có thể nhận ra những việc đã làm và chưa làm được trong quá trình quản lý. Từ đó, đưa ra những biện pháp quản lý phù hợp hơn.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương, em đã tìm hiểu tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty, em nhận thấy công tác này về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu quản lý và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty. Cùng với sự giúp đỡ của phòng kế toán công ty, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của cô giáo **TS. Giang Thị Xuyên** và các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này. Do thời gian và trình độ có hạn nên chuyên đề này không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự bổ xung, góp ý của các thầy cô giáo cùng cô chú phòng kế toán của công ty để bài khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày tháng năm 2011

Sinh viên

Phạm Hải Hà

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các tài liệu của Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương
2. Giáo trình Kế toán tài chính – NXB Tài Chính. Chủ biên GS – TS Ngô Thế Chi- TS Trương Thị Thủy.
3. Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp–NXB Tài Chính.
Chủ biên PGS – TS Đoàn Xuân Tiên.
4. Quyết định 206/2003/QĐ - BTC, Quyết định 15/2006/QĐ-BTC.
5. Chế độ kế toán doanh nghiệp – NXB Tài Chính (2006) - Vụ chế độ kế toán và kiểm toán – Bộ Tài Chính (Quyển 1 và Quyển 2)
6. Luận văn của khoá trước.

PHỤ LỤC

Mẫu số 3.1: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Năm: ...

Tài khoản:

Tiêu khoản:

Tên kho:

Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá): ...

Mã số vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá):

Đơn vị tính: ...

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3= 1*2	4	5 = 1*4	6	7= 1*6	
		Số dư đầu kỳ									
		Cộng tháng									

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 3.3: Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S11-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Tài khoản:

Năm ...

ST T	Mã số	Tên quy cách vật liệu, dụng cụ, SP, HH	Đơn vị tính	Tồn đầu		Nhập		Xuất		Tồn cuối	
				SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
A	B	C			1		2		3		4
Cộng											

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

